

Đ. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2018/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 5, QUỐC HỘI KHÓA XIV.

I. Lĩnh vực giao thông vận tải.

1. Về kết cấu hạ tầng giao thông.

a) Rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, quy hoạch giao thông:

Hiện nay, thực hiện Luật quy hoạch và Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) đang triển khai lập quy hoạch các quy hoạch ngành quốc gia trong các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không và đường thủy nội địa. Trong quá trình lập các quy hoạch ngành quốc gia sẽ rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, tình hình đầu tư theo quy hoạch của các chuyên ngành giao thông.

b) Hoạt động vận tải đường sắt, phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt; trình Quốc hội phương án đầu tư hệ thống đường sắt tốc độ cao tuyến Bắc - Nam vào năm 2019:

- Về chấn chỉnh hoạt động vận tải đường sắt

Triển khai thực hiện Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, thời gian qua, Bộ GTVT tiếp tục chỉ đạo rà soát để sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tế nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về vận chuyển hành khách, hành lý và hàng hóa bằng đường sắt; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, trong đó có nội dung liên quan đến vận tải đường sắt; phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng Thông tư quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường sắt phục vụ mục đích quốc phòng. Đồng thời, đã chỉ đạo Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các doanh nghiệp, tổ chức liên quan tổ chức tốt công tác vận tải phục vụ hành khách và vận chuyển hàng hóa trong các dịp cao điểm Lễ, Tết, mùa thi của học sinh, sinh viên; thực hiện chính sách giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật; tăng cường công tác phòng chống khủng bố, phòng chống buôn lậu gian lận thương mại và hàng giả; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác vận chuyển hành khách, hành lý và hàng hóa bằng đường sắt; đẩy mạnh công tác đối thoại với doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt và doanh nghiệp ngoài đường sắt) và các chủ hàng lớn nhằm tăng cường tính kết nối, chia sẻ thông tin, từng bước đẩy mạnh kết nối vận tải đường sắt với các phương thức vận tải khác.

- Phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt bảo đảm an toàn, hiệu quả

Giai đoạn đến 2021, tập trung nâng cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có; tiếp tục rà soát, kêu gọi đầu tư các dự án đã nghiên cứu; tập trung nghiên cứu dự án tiền khả thi đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam làm cơ sở chuẩn bị về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, công

nghe... Giai đoạn 2021 - 2032, cân đối và bố trí vốn để hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư các dự án theo quy hoạch, nhất là các tuyến kết nối đường sắt đến cảng Hải Phòng, cụm cảng Cảng Cái Mép - Thị Vải; hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam để có thể thực hiện đầu tư giai đoạn 1. Giai đoạn 2032 - 2050, tiếp tục đầu tư và hoàn thành toàn tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

Hiện nay, trên cơ sở nguồn vốn được bố trí (7.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020), Bộ GTVT đang triển khai chuẩn bị đầu tư 04 dự án đường sắt quan trọng, cấp bách để từng bước cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam.

- Về trình Quốc hội cho ý kiến về phương án đầu tư hệ thống đường sắt tốc độ cao tuyến Bắc - Nam vào năm 2019:

Ngày 04/4/2019, Ban Kinh tế Trung ương đã họp nghe Bộ GTVT báo cáo về dự án; ngày 19/7/2019, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội cũng đã tổ chức Hội thảo về giải pháp công nghệ cho Dự án. Hiện nay, Hội đồng thẩm định nhà nước đang tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án theo Quyết định số 859/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở đó Chính phủ sẽ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

c) Về thu hút mạnh nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông:

Trong thời gian qua Bộ GTVT đã tích cực kêu gọi, tìm kiếm nguồn lực để đầu tư các công trình giao thông theo hình thức PPP và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, thời gian gần đây, việc huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách đã chững lại do cần hoàn thiện khung pháp lý. Trong bối cảnh hiện nay, thì việc tiếp tục đẩy mạnh huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách, xã hội hóa đầu tư vẫn cần tiếp tục thực hiện để có thể đạt được các mục tiêu phát triển; Bộ GTVT đang tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nhằm huy động nguồn vốn ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

2. Công trình giao thông.

a) Biện pháp, giải pháp, hoạt động chỉ đạo điều hành nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; thực hiện tốt công tác đấu thầu, ưu tiên các nhà đầu tư, nhà thầu trong nước đủ điều kiện, năng lực:

Nhằm nâng cao công tác quản lý tiến độ, chất lượng các dự án, đặc biệt các dự án trọng điểm, Bộ GTVT đã có nhiều biện pháp, giải pháp hành động thiết thực như: Tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, trực tiếp cử cán bộ tại hiện trường để phối hợp cùng các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án đôn đốc tiến độ, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng công trình; tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường...; đồng thời, thường xuyên phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành rà soát tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Từ đó đề xuất các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án xây dựng công trình giao thông như ban hành văn bản nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý trong công tác đấu thầu, ký kết, quản lý hợp đồng và chế tài xử lý vi phạm hợp đồng của nhà thầu xây lắp; Chỉ thị tăng cường công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ, công vụ liên quan đến hoạt động quản lý, thực

hiện dự án, phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực; Chỉ thị tăng cường kiểm soát công tác lựa chọn nhà thầu và quản lý thực hiện hợp đồng xây lắp các dự án xây dựng công trình giao thông...

Rút kinh nghiệm trực tiếp từ quá trình thực hiện các dự án lớn trước đây, để tiến tới triển khai các dự án trọng điểm có quy mô lớn, Bộ GTVT đã ban hành Quy định kiểm tra, kiểm soát tiến độ, chất lượng công trình; sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán và nghiệm thu hoàn thành công trình; Quy định về quản lý những ảnh hưởng đến dân sinh trong quá trình xây dựng các dự án giao thông.

Liên quan đến công tác quản lý trong đấu thầu, thời gian qua, Bộ GTVT đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị yêu cầu các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chấn chỉnh hoạt động, nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng.

b) Kết quả triển khai các công trình, dự án trọng điểm:

Danh mục các công trình, dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải gồm 47 công trình, trong đó đến nay đã đưa vào khai thác, sử dụng 23 công trình. Các công trình đưa vào khai thác đều cơ bản đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế, an toàn công trình. Việc đưa các công trình quy mô lớn, đạt chất lượng cao vào khai thác sử dụng một mặt đã đáp ứng được nhu cầu của người dân quanh khu vực dự án đi qua, mặt khác góp phần rút ngắn khoảng cách và thời gian đi lại giữa các vùng miền, các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực, bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án. Hiện nay, còn lại 24 dự án chưa hoàn thành, trong đó chưa khởi công 13 dự án (gồm 10 dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông; đường sắt Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo; Cảng hàng không quốc tế Long Thành; nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất) và đang triển khai thi công 11 dự án.

c) Về các dự án chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư:

Một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm được triển khai trong thời gian qua phải điều chỉnh tổng mức đầu tư nhiều lần, tăng lớn so với phê duyệt ban đầu, kéo dài thời gian thực hiện dẫn tới giảm hiệu quả đầu tư chủ yếu tập trung ở các dự án có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thực hiện qua nhiều năm và đã được phê duyệt, triển khai từ giai đoạn trước, điển hình là các dự án đường sắt đô thị, cụ thể:

- Nhóm dự án đường bộ chậm tiến độ gồm có 02 dự án là cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và cao tốc Bến Lức - Long Thành.

- Nhóm dự án đường sắt đô thị chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư gồm có 05 dự án. Trong đó: 03 dự án do thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư (Dự án đường sắt đô thị tuyến số 1 Bến Thành - Suối Tiên và tuyến số 2 Bến Thành - Tham Lương do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư, Dự án đường sắt đô thị tuyến số 3 Nhổn - Ga Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư); 02 dự án do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư (Dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông, Dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến số 1 Yên Viên - Ngọc Hồi).

3. Trật tự an toàn giao thông.

a) Việc thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông; xử lý điểm đen về an toàn giao thông, các điểm giao cắt đường sắt với đường bộ, an toàn vận tải đường sắt, không để phát sinh các lối đi tự mở qua đường sắt; tăng cường kỷ cương trong bảo đảm an toàn vận tải đường sắt; công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật giao thông:

Từ đầu năm 2019 đến nay, Bộ GTVT đã ban hành 03 Kế hoạch, 01 Công điện và hơn 60 văn bản chỉ đạo điều hành về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; trong đó, nội dung chỉ đạo tập trung vào một số nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo tại Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Bộ GTVT đã thành lập Đoàn kiểm tra về tình hình bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại một số địa phương trên toàn quốc.

Về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã giao Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Với chủ đề của Năm an toàn giao thông 2019 là “*An toàn giao thông cho hành khách và người đi mô tô, xe gắn máy*”, Bộ GTVT đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông.

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với các dự án, công trình giao thông thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, nhất là việc triển khai thi công trên đường đang khai thác; việc quản lý, bảo trì đường bộ nhằm đảm bảo giao thông an toàn thông suốt trên toàn bộ hệ thống quốc lộ (cầu, đường, bến phà, hầm đường bộ với tổng chiều dài hơn 24.000 Km). Đẩy mạnh triển khai rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN41:2016/BGTVT), xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông.

Công tác kiểm soát tải trọng phương tiện tiếp tục được Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường triển khai tại các đầu mối nguồn hàng và kiểm soát đột xuất xử lý tại các điểm nóng có dấu hiệu vi phạm tải trọng trên các tuyến quốc lộ trọng điểm. Siết chặt, nâng cao hiệu quả quản lý công tác đăng kiểm phương tiện, công tác đào tạo, cấp giấy phép lái xe; cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông.

b) Trật tự giao thông đô thị, giải pháp xử lý tình trạng ùn tắc tại các thành phố lớn, tuyến đường trọng điểm, huyết mạch:

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021, Bộ GTVT đã ban hành Kế hoạch hành động và đang triển

khai thực hiện một số giải pháp sau:

Xây dựng và trình sửa đổi Luật giao thông đường bộ năm 2008, nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật có liên quan đến trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông; ban hành quy định bắt buộc chủ đầu tư khi lập dự án đầu tư công trình xây dựng lớn phải thiết kế phương án kết nối giao thông vào đường quốc lộ, đường chính trong đô thị, tính toán nhu cầu giao thông phát sinh của công trình, đảm bảo an toàn giao thông và không gây ùn tắc giao thông; khẩn trương xây dựng và trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch toàn ngành và các quy hoạch chuyên ngành thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; cập nhật và tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng giao thông đã được phê duyệt; khẩn trương đưa tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông vào vận hành thương mại và chuyển giao để Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý, vận hành.

Trao đổi, chia sẻ thông tin với Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương nhằm tăng cường công tác phối hợp trong hoạt động đảm bảo an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông; ban hành quy định bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động vận tải và tổ chức giao thông. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu, đề xuất cải tiến Giấy phép điều khiển phương tiện giao thông được tích hợp các thông tin cần thiết cho công tác quản lý đối với người điều khiển phương tiện giao thông, đồng thời đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung trong công tác cấp Giấy phép lái xe, phục vụ công tác quản lý lái xe và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Hoàn thiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông vận tải, tập trung đối với lĩnh vực đường bộ, trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2019. Ban hành và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu giao thông vận tải, hệ thống điều khiển giao thông và giao thông thông minh; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành quốc gia cho tất cả các lĩnh vực giao thông vận tải, đảm bảo khả năng kết nối và chia sẻ cho lực lượng Công an và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoàn thành trong năm 2020.

Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân nhằm kéo giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường; lồng ghép vào các quy định pháp luật, chiến lược, quy hoạch của ngành giao thông vận tải; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các Đề án đã được phê duyệt của hai thành phố về hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân nhằm bảo đảm an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.

c) Công tác kiểm tra, kiểm soát phương tiện giao thông, chấp hành pháp luật về giao thông, hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, công tác đăng kiểm, đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện:

Thời gian qua, Bộ GTVT đã chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành đối với các lĩnh vực giao thông vận tải. Trong đó, tập trung thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác kiểm soát tải trọng phương tiện, hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của các Trung tâm Đăng kiểm; thanh tra hoạt động vận tải thủy tuyến từ bờ ra đảo; thanh tra dịch vụ công ích thông tin duyên hải (nhận dạng và theo dõi tàu thuyền trên biển, tiếp nhận và xử lý các thông tin cấp cứu của tàu thuyền trên biển); thanh tra công tác đào tạo, huấn luyện, cấp chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, hoa tiêu hàng hải; thanh tra công tác đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, sát hạch, cấp giấy phép nhân viên hàng không.

d) Xây dựng đề án cụ thể về văn hóa tham gia giao thông:

Tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021, Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xây dựng văn hoá giao thông an toàn thông qua các tác phẩm văn hoá, nghệ thuật dân tộc.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông:

Bộ GTVT đã và đang tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành, từ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ, trong phục vụ người dân và doanh nghiệp cũng như trong hoạt động quản lý chuyên ngành. Cụ thể:

Tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung gồm: Kết cấu hạ tầng giao thông, Phương tiện, Người điều khiển phương tiện. Thực hiện khảo sát, đánh giá lại các dữ liệu đã có, thiết kế tổng thể hệ thống từ đó xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị trong xây dựng, vận hành hệ thống. Thiết lập các cơ chế để vận hành các hệ thống đảm bảo dữ liệu chính xác, cập nhật, có tính chất pháp lý để phục vụ công tác quản lý, điều hành bằng hệ thống công nghệ thông tin.

Hoàn thiện Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử theo mô hình tập trung, thống nhất. Thực hiện kết nối các hệ thống dịch vụ công trực tuyến đang được cung cấp riêng lẻ với Công dịch vụ công Bộ Giao thông vận tải. Rà soát, công bố các thủ tục tiếp nhận tại bộ phận một cửa. Xây dựng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với hệ thống dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử để nâng mức độ trực tuyến; hướng đến cắt giảm các thành phần hồ sơ phải nộp, hoặc xuất trình bằng cách sử dụng các dữ liệu đã có. Duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Giao thông vận tải tham gia Cơ chế một cửa quốc gia.

Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống quản lý văn bản; thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm của các đơn vị với Trục văn bản Bộ để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử. Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo Bộ; triển khai hệ thống phục vụ họp và xử lý công việc tại Bộ và các đơn vị trực thuộc. Duy trì và cung cấp 310 dịch vụ công trực tuyến trên Công dịch vụ công Bộ GTVT, các hệ thống dịch vụ công tại các Cục/Tổng cục, các hệ thống công nghệ thông tin của Bộ

tham gia Cơ chế một cửa quốc gia. Hiện có 94.403 tài khoản sử dụng (trong đó có 20.579 tài khoản cá nhân, 73.824 tài khoản doanh nghiệp), trong 07 tháng đầu năm 2019 có 375.462 hồ sơ nộp trực tuyến.

4. Đầu tư và khai thác công trình giao thông.

a) Thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng BOT:

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 26/6/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ GTVT đã tập trung, quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp theo đúng chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ, kết quả cụ thể:

Về tổng kết việc triển khai thực hiện các mô hình đầu tư theo hình thức PPP, trong đó có hình thức hợp đồng BOT thời gian qua để đánh giá những mặt được và những hạn chế, bất cập, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục hữu hiệu; triển khai các phương án xử lý kịp thời những tồn tại, yếu kém và kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân để xảy ra khuyết điểm, vi phạm: thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá của các bộ, ngành, địa phương, Bộ GTVT phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có báo cáo tổng kết tình hình triển khai thực hiện các mô hình đầu tư theo hình thức PPP ngành giao thông vận tải, trong đó có đầy đủ các nội dung đánh giá kết quả thực hiện, tồn tại, bất cập và giải pháp khắc phục.

Về rà soát chủ trương đầu tư các dự án BOT: Bộ GTVT đã dừng 04 dự án BOT đã ký Hợp đồng và đang triển khai; dừng 10 dự án đã phê duyệt đề xuất dự án hoặc đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (08 dự án đường bộ và 02 dự án đường thủy nội địa). Hiện nay, đang tập trung triển khai Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 về Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.

Về công tác truyền thông: Thời gian qua, Bộ GTVT đã tổ chức triển khai một số nội dung về công tác truyền thông sau: Ra thông cáo báo chí các vấn đề dư luận quan tâm về chính sách pháp luật về PPP, nội dung, thông tin các dự án BOT; tổ chức họp báo, tham gia các buổi tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp do các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức...; báo cáo, cung cấp thông tin tại các buổi họp giao ban báo chí định kỳ do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương trình bày các vấn đề chính sách pháp luật PPP tại Hội nghị báo cáo viên khu vực miền Bắc và miền Nam do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức....

b) Hoàn thiện pháp luật về đầu tư dự án kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP):

Về Luật đầu tư theo phương thức PPP: Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, đánh giá và xây dựng Dự thảo Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn Nghị định số 63/2018/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư; Thông tư số 88/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Bộ GTVT đã ban hành các Thông tư để điều chỉnh hoạt động liên quan đến quản lý đầu tư dự án theo hình thức PPP gồm: Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý; Thông tư số 60/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT; Thông tư số 49/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí; Thông tư số 86/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 hướng dẫn chi tiết về lĩnh vực đầu tư và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 50/2018/TT-BGTVT ngày 11/9/2018 quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý; Thông tư số 19/2019/TT-BGTVT ngày 23/5/2019 hướng dẫn về lĩnh vực đầu tư và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực giao thông vận tải. Triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải đã tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, người sử dụng dịch vụ,... và đang hoàn thiện để sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Quyết định số 07/2017/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức tự động không dừng.

Về việc hoàn thiện pháp luật triển khai dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020: Chính phủ ban hành Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 về một số cơ chế, chính sách để triển khai dự án bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, các cơ chế giám sát, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 120/2018/TT-BTC ngày 10/12/2018 quy định mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, thanh toán phần vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án và quyết toán công trình dự án hoàn thành theo hình thức đối tác công tư thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

c) Rà soát toàn bộ hệ thống trạm thu phí BOT giao thông và sớm xử lý dứt điểm tồn tại, bất cập, vướng mắc trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của người dân, nhà nước và nhà đầu tư:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, trong thời gian qua, Bộ GTVT đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các nhà đầu tư BOT tích cực, quyết liệt xử lý, khắc phục các tồn tại tại các trạm thu phí: Rà soát, điều chỉnh vị trí một số trạm có bất cập; miễn, giảm phí cho các phương tiện qua trạm thu phí, đặc biệt miễn giảm cho các phương tiện quanh trạm thu phí tại hầu hết các dự án BOT có bất cập; chủ động dừng hoặc chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án BOT trên đường độc đạo hoặc cải tạo tuyến đường hiện hữu không phù hợp với Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đưa vào hoạt động trang thông tin điện tử để công khai thông tin liên quan đến các dự án tại địa chỉ www.ppp.mt.gov.vn, đồng thời chỉ đạo Nhà đầu tư công khai các thông tin liên quan đến dự án tại các trạm thu phí như: tên dự án, tổng mức đầu tư, thời gian thu phí, thời điểm bắt đầu thu phí...; chủ động mời kiểm toán nhà nước kiểm toán toàn bộ các dự án và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán đối với các dự án về xử lý chi phí, xử lý trách nhiệm và quyết toán chi phí đầu tư; ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải để điều chỉnh hoạt động liên quan đến hình thức đầu tư PPP; phối hợp với các địa phương, cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương để tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người tham gia giao thông.

Với các giải pháp tích cực và đồng bộ như trên, bất cập tại các dự án BOT cơ bản được giải quyết. Đối với một số dự án có tính chất đặc thù như Cai Lậy, trạm T2, Trạm Quốc lộ 3 Thái Nguyên, Bộ Giao thông vận tải đang phối hợp với các địa phương, báo cáo Chính phủ để có các giải pháp xử lý phù hợp, đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, Nhà đầu tư và người sử dụng dịch vụ. Bộ Giao thông vận tải đề nghị các địa phương, bộ, ngành tiếp tục phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để xử lý dứt điểm các tồn tại, bất cập tại các dự án BOT.

d) Từ năm 2019, thực hiện thu phí tự động không dừng tại tất cả các trạm thu phí BOT giao thông; kết nối hệ thống thông tin, dữ liệu về thu phí và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý vi phạm trong lĩnh vực này:

- Đẩy mạnh kết nối hệ thống thông tin, dữ liệu về thu phí:

Để tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với việc giám sát chặt chẽ doanh thu, hiện trạng công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ tại từng trạm thu phí, từ đó đưa ra các quyết định kịp thời, Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt Dự án xây dựng hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ (Quyết định số 551/QĐ-TCĐBVN ngày 12/02/2018) với kinh phí khoảng 12,845 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế đường bộ và các nguồn hợp pháp khác; hiện đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đến nay, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã hoàn thành kết nối dữ liệu thí điểm đối với 03 trạm tại: Km1807+500 đường Hồ Chí Minh, An Dân và trạm Ninh An (Quốc lộ 1); các trạm còn lại sẽ hoàn thành trước ngày 31/12/2019. Đây là giải pháp căn cơ, kịp thời; sau khi hoàn thành Dự án xây dựng hệ thống quản lý giám sát dữ liệu, hình ảnh theo thời gian thực nêu trên, Tổng cục Đường

bộ Việt Nam thực hiện kết nối để cung cấp, chia sẻ dữ liệu về nguồn thu của tất cả các trạm BOT trên toàn quốc, khi Kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, Ngân hàng có liên quan và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Triển khai thực hiện thu phí tự động không dừng tại tất cả các trạm thu phí BOT giao thông:

Thời gian qua Bộ GTVT và một số địa phương đã nỗ lực triển khai dự án hệ thống ETC, phấn đấu đến 31/12/2019, tất cả các trạm thu phí BOT đều vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg. Đến thời điểm này, cơ bản các trạm trên Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên đã triển khai vận hành hệ thống ETC. Đối với các trạm còn lại, Bộ GTVT đã đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thứ 2 là Tập đoàn viễn thông quân đội và một số đơn vị có kinh nghiệm về công nghệ triển khai thực hiện.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm minh các vi phạm:

Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Đến hết tháng 8/2019, đã thành lập 66 Đoàn kiểm tra, giám sát việc xuất, thu hồi vé và doanh thu từng ca; hệ thống thiết bị phòng hậu kiểm; vé bên ngoài ca bin; thu phí thủ công tại trạm phụ (nếu có) đối với 64/64 Trạm thu phí dịch vụ Dự án BOT.

Các đoàn kiểm tra đã phát hiện một số tình trạng tồn tại như: miễn phí cho một số phương tiện qua Trạm thu phí mà không phải đối tượng được ưu tiên theo quy định; chưa nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ sao lưu dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ và công bố thông tin dự án tại trạm thu phí đáp ứng quy định của Thông tư số 49/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016. Qua kiểm tra, giám sát, các Đoàn kiểm tra đã kiến nghị các cơ quan quản lý liên quan có biện pháp khắc phục những tồn tại, khuyết điểm, xử lý vi phạm góp phần nâng cao tính minh bạch trong công tác thu phí đường bộ.

II. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường (bao gồm cả các nội dung nêu tại Nghị quyết số 33/2016/QH14).

1. Lĩnh vực đất đai.

a) Về hoàn thiện chính sách, pháp luật đất đai:

Triển khai thi hành Luật đất đai năm 2013, Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) và các bộ, ngành có liên quan đã ban hành tổng cộng 61 văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đánh giá những vướng mắc bất cập trong thực thi chính sách, pháp luật về đất đai, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; đồng thời, đang chỉ đạo xây dựng:

- Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định về khung giá đất giai đoạn 2020 – 2024; Nghị định quy định việc tập trung, tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn.

- Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai, dự kiến sẽ trình

Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV.

b) Về cải cách thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã được đơn giản hóa nhất là trong đăng ký cấp giấy chứng nhận trong đó đơn giản thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian thực hiện,...do đó, qua khảo sát độc lập của PAPI tỷ lệ người dân có phản ánh về bồi trơn số đo giảm 29% so với thời điểm trước Nghị quyết giám sát của Quốc hội. Bộ TNMT đã chỉ đạo đơn đốc các địa phương triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đến nay đã hoàn thành đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của 165 đơn vị hành chính cấp huyện và hỗ trợ nguồn đang triển khai thực hiện đối với 100 huyện phấn đấu hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu ở các đô thị trước năm 2025 và trên toàn quốc trước năm 2030. Đồng thời, đã hoàn thiện Nghị định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai để tạo hành lang cho thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai thông.

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2019, tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận lần đầu của cả nước đạt 97,36% diện tích các loại đất đang sử dụng cần cấp Giấy chứng nhận. Như vậy, so với thời điểm báo cáo tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV (năm 2016), thì tỷ lệ diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu tăng lên 2,46%.

c) Về thanh tra, kiểm tra, giám sát, quản lý, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai:

Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, quản lý, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai thời gian qua đã được Bộ TNMT, các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả. Theo báo cáo của các địa phương và thống kê trong năm 2018 cả nước đã xử lý, đưa vào sử dụng 18.145 ha. Trong đó, nhiều địa phương đã làm tốt công tác này như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Long An,...

Về tiếp nhận xử lý thông tin phản ánh thông qua đường dây nóng, Bộ TNMT đã tiếp nhận 4.291 ý kiến phản ánh tình hình sai phạm về quản lý, sử dụng đất đai, đã ban hành 1.552 văn bản chuyển địa phương yêu cầu xem xét, xử lý; đã ban hành 307 văn bản hướng dẫn công dân gửi đơn thư đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

d) Về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất dùng cho mục đích công cộng, đất tại các nông, lâm trường, dự án BT, BOT:

Cả nước đã thực hiện việc chuyển mục đích 76 nghìn ha đất nông nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp để thực hiện xây dựng hệ thống cầu hạ tầng đồng bộ, phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, phát triển đô thị.

Về các vấn đề có liên quan đến các dự án BT: ngày 15/8/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2019/NĐ-CP quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng - Xây dựng - Chuyển giao.

2. Về lĩnh vực môi trường.

a) Về hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; chỉ đạo Bộ TNMT khẩn trương triển khai xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trình Quốc hội khoá XIV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9 và thông qua tại kỳ họp thứ 10 và rà soát, sửa đổi Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quy chế ứng phó sự cố môi trường do chất thải gây ra và quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

Về rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: Bộ TNMT đã chủ trì xây dựng 44 TCVN về Môi trường, đến nay, 29 TCVN đã được công bố, 04 TCVN dùng thực hiện và còn 11 TCVN sẽ công bố trong năm 2019; đã ban hành 48 QCVN, trong đó có 12 QCVN về chất lượng môi trường xung quanh và 36 QCVN về chất thải và xử lý chất thải. Đẩy mạnh xây dựng, áp dụng các công cụ kinh tế về việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường và hướng dẫn về đánh giá, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo lộ trình, kế hoạch.

b) Về vấn đề bảo vệ môi trường làng nghề và tiến độ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng:

Bộ TNMT đã và đang theo dõi, giám sát chặt chẽ danh mục 160 làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thực hiện lồng ghép công tác bảo vệ môi trường làng nghề, xây dựng thành tiêu chí để xem xét, công nhận nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Về kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường; xây dựng mô hình xử lý chất thải; quản lý nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất:

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp để cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường. Bộ TNMT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức phong trào "Chống rác thải nhựa", báo cáo Thủ tướng Chính phủ đã phát động "Lễ ra quân toàn quốc chống rác thải nhựa" và tổ chức các hội thảo phổ biến, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng một lần túi ni lông khó phân hủy, khuyến khích cộng đồng tăng cường tái sử dụng túi ni lông, sử dụng sản phẩm thân thiện hơn như túi ni lông phân hủy sinh học.

Công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đã được thực hiện thí điểm ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng từ nhiều năm trước.

Từ tháng 05/2019 đến nay, số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường chưa có sự thay đổi, đã có 221/251 khu công nghiệp, khu chế xuất (ngoài khu kinh tế) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đạt 88,05%, đạt chỉ tiêu đề ra, trong đó các địa phương có số lượng khu công nghiệp lớn tỷ lệ này đều đạt 100%. Đã có 121/251 khu công nghiệp lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đạt tỷ lệ trên 42%. Cả

nước hiện có 276 cụm công nghiệp có báo cáo đánh giá tác động môi trường; 160 cụm công nghiệp có hệ thống tách nước mưa và nước thải; 109 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt tỷ lệ 15,8%; 10 cụm công nghiệp có hệ thống quan trắc tự động nước thải.

d) Về giám sát môi trường dự án Formosa Hà Tĩnh và chương trình quan trắc, cảnh báo môi trường:

Về giám sát môi trường của dự án Formosa Hà Tĩnh, thực hiện cam kết với Chính phủ Việt Nam nhằm kiểm soát chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế, từ năm 2016, Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS) đã phối hợp với các cơ quan khoa học trong và ngoài nước triển khai kế hoạch thực hiện các hạng mục cải thiện, bổ sung công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch giám sát môi trường. Tính đến cuối tháng 5/2017, FHS đã hoàn thành các hạng mục, gồm: lắp đặt bổ sung hệ thống quan trắc khí thải, nước thải tự động, liên tục; bổ sung 02 bể sự cố tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt; bổ sung công đoạn tiền xử lý, khử màu và lọc áp lực tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt; bổ sung 04 bồn lọc cao tải tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp; xây lắp bổ sung 02 hệ thống xử lý nước tuần hoàn đập cóc, 02 hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn cho bãi chứa phế liệu và hệ thống hồ sự cố kết hợp hồ sinh học trên diện tích 10 ha. Đối với việc chuyển đổi phương pháp làm nguội than cốc từ ướt sang khô (CDQ), FHS đã lựa chọn công nghệ của Nhật Bản để thực hiện. Hệ thống CDQ số 1 đã hoàn thành và vận hành thử nghiệm từ ngày 17/3/2019; hệ thống CDQ số 2 đã vận hành thử nghiệm từ ngày 26/6/2019 theo đúng thời hạn đã cam kết với Chính phủ Việt Nam.

Trong thời gian tới, Bộ TNMT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hà Tĩnh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan liên quan định kỳ, thường xuyên, liên tục giám sát FHS trong quá trình hoạt động, đảm bảo các nguồn chất thải được quản lý, xử lý đạt QCVN trước khi xả ra ngoài môi trường.

đ) Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường:

Thời gian qua, Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay, Bộ TNMT đã thanh tra tổng cộng 6.768 cơ sở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn các tỉnh/thành phố trên cả nước, qua đó đã phát hiện và xử lý gần 3.000 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính lên tới 446,258 tỷ đồng. Kết quả, các đoàn thanh tra đã phát hiện nhiều cơ sở xả hàng ngàn m³ nước thải ra môi trường không qua xử lý ra ngoài môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã kiểm tra và xử lý nhiều vụ việc, điểm nóng về môi trường.

3. Lĩnh vực khoáng sản.

- Về hoàn thiện chính sách, pháp luật khoáng sản:

Năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để thay thế Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; chỉ đạo Bộ TNMT hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Hiện nay, Bộ TNMT đang xây dựng Báo cáo tình hình 08 năm thực hiện Luật khoáng sản và đánh giá tác động việc thực hiện các chính sách, quy định của Luật khoáng sản; đánh giá kết quả 05 năm triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Quy hoạch khoáng sản, hoạt động cấp phép, chấm dứt cấp phép khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ và ngăn chặn triệt để hoạt động khai thác khoáng sản trái phép:

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản tại Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13/8/2013. Đến nay, đã có 16 quy hoạch cho các loại khoáng sản được phê duyệt. Đối với quy hoạch khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đến nay, Bộ TNMT đã tham gia góp ý 60 báo cáo Quy hoạch và báo cáo bổ sung quy hoạch của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập theo quy định của Luật khoáng sản 2010.

Thời gian qua, hoạt động cấp phép khai thác khoáng sản đã được Bộ TNMT, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về khoáng sản và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ tại về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản. Đến hết năm 2018, Bộ TNMT theo thẩm quyền đã cấp 48 Giấy phép hoạt động khoáng sản, trong đó có 12 Giấy phép thăm dò khoáng sản, 36 Giấy phép khai thác khoáng sản. Tính đến tháng 9/2019, Bộ TNMT đã tiếp nhận 47 hồ sơ hoạt động khoáng sản đảm bảo yêu cầu chất lượng; đúng quy định của pháp luật về khoáng sản; ký ban hành 37 Giấy phép hoạt động khoáng sản cho các tổ chức cá nhân doanh nghiệp và phê duyệt 12 đề án đóng cửa mỏ.

- Về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản; quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông

Thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực khoáng sản đã được Bộ TNMT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quan tâm. Tuy nhiên, hoạt động khai thác trái phép, vi phạm pháp luật vẫn còn diễn ra, ngoài việc thất thoát khoáng sản còn ảnh hưởng xấu đến môi trường. Trước thực trạng này, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, nhất là khai thác trái phép cát, sỏi lòng sông. Chính phủ đã quy định cụ thể trách nhiệm quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của Ủy ban nhân dân các cấp tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, đồng thời đã bổ sung hành vi, tăng mức xử phạt đối với một số hành vi, nhất là khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép lên 2-3 lần trong Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 về tăng cường hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản; Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã chủ trì 01 cuộc họp trực tuyến các

Bộ, ngành liên quan với 63 tỉnh thành phố; 02 cuộc họp trực tiếp với các tỉnh, thành phố có hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép kéo dài, phức tạp (mới đây là 3/4/2019) để bàn các giải pháp ngăn chặn vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông.

Trong năm 2018, và 09 tháng đầu năm 2019, Bộ TNMT đã thanh tra, kiểm tra và tổ chức hậu kiểm các tổ chức, cá nhân đã được thanh tra, kiểm tra trước đây về việc thi hành các kết luận thanh tra, kiểm tra. Chỉ tính riêng từ tháng 01/2019 đến nay, đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 55 doanh nghiệp, tiến hành xử phạt vi phạm hành chính 6,776 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện nghiêm Chỉ thị số 03/CT-TTg và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; một số địa phương đã ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, quy chế phối hợp trong quản lý khoáng sản (nhất là cát, sỏi lòng sông) ở vùng giáp ranh địa giới hành chính; quy định rõ trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nếu để xảy ra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác cát sỏi lòng sông, lập bến bãi mua bán cát, sỏi trái phép; vận chuyển, sử dụng cát sỏi không có nguồn gốc hợp pháp.

Hiện nay, hầu hết các tỉnh, thành phố đã lập và phê duyệt quy hoạch khoáng sản trong đó có cát, sỏi lòng sông; ban hành nhiều Chỉ thị, văn bản chỉ đạo điều hành, phê duyệt kế hoạch hoặc phương án bảo vệ khoáng sản, quy định trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong quản lý khoáng sản trên địa bàn. Riêng đối với khoáng sản cát, sỏi lòng sông ngoài việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, nhiều tỉnh đã ban hành quy chế phối hợp giữa các Sở, ngành; ban hành quy chế phối hợp quản lý khoáng sản cát, sỏi lòng sông tại các khu vực giáp ranh, các lưu vực sông,... thực hiện đồng thời nhiều biện pháp như quản lý chặt chẽ bến bãi, lập đường dây nóng, nghiêm cấm việc mua bán cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp.

4. Lĩnh vực khí tượng thủy văn.

- Về hoàn thiện chính sách, pháp luật khí tượng thủy văn:

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT, các Bộ ngành đã ban hành 27 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật khí tượng thủy văn năm 2015. Riêng năm 2019, đã xây dựng 01 Đề án; sửa đổi, bổ sung 01 Nghị định; 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 02 Thông tư. Đồng thời, Bộ TNMT tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về công tác khí tượng thủy văn và các văn bản quy phạm pháp luật khác để thực thi hiệu quả Luật khí tượng thủy văn, đẩy lùi tình trạng vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn.

- Về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phòng chống thiên tai:

Để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật khí tượng thủy văn, Luật phòng chống thiên tai, Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2020; Nghị quyết 120/NQ-CP ngày

17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai. Hiện đại hóa, tự động hóa công tác quan trắc; thu thập, xử lý, lưu trữ, chia sẻ và khai thác thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ sản xuất - đời sống và phòng chống thiên tai; bám sát kịch bản biến đổi khí hậu, đặc biệt là diễn biến của các hiện tượng thời tiết cực đoan ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống để định hướng cho hoạt động dự báo phục vụ. Tiếp tục cải tiến và đa dạng hoá bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đáp ứng thực tiễn ngày càng cao của công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai. Tăng cường tần suất và chủ động gửi bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đến các cấp chính quyền, các cơ quan chỉ huy phòng chống thiên tai; Ưu tiên nguồn lực tập trung nghiên cứu, xây dựng công nghệ dự báo số, thời hạn ngắn, cực ngắn để giải quyết nhiệm vụ dự báo, cảnh báo mưa lớn kỷ lục, mưa lớn cục bộ và ở những khu vực thiếu thông tin quan trắc như vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên; dự báo lũ lớn, đặc biệt lớn xảy ra trên các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên với thời gian tập trung nước nhanh. Xây dựng, ứng dụng công nghệ và các mô hình toán thủy văn hiện đại; phát triển công nghệ dự báo số cảnh báo, dự báo lũ sớm và nguy cơ ngập lụt hạ du do tác động của hồ chứa.

Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống dự báo tổ hợp từ hạn ngắn, hạn vừa đến hạn mùa cho khu vực Việt Nam tại Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia và các Đài khí tượng thủy văn khu vực; đã xây dựng và đưa vào vận hành trong nghiệp vụ 03 ra đa Doppler thời tiết đặt tại Vinh, Phù Liễn và Pha Đin. Các ra đa này đã được sử dụng đặc biệt hiệu quả khi hỗ trợ theo dõi các cơn bão mạnh như bão số 10 năm 2017 và các trận mưa lớn trong năm 2018; xây dựng và tích hợp thông tin mạng lưới đo mưa tự động, trạm đo mưa nhân dân từ gần 1000 trạm trên toàn quốc phục vụ công tác dự báo mưa lớn và lũ quét, sạt lở đất; rà soát, đánh giá lại công nghệ dự báo bão hiện có và nâng cao năng lực khoa học công nghệ trong dự báo bão bằng các mô hình hiện đại với hệ thống siêu máy tính để có nhiều hơn các sản phẩm dự báo với chất lượng tốt hơn khi bão vào Biển Đông, đồng thời triển khai xây dựng và đưa vào dự báo nghiệp vụ mô hình dự báo bão chuyên dụng của Việt Nam; phát triển mô hình nhóm dự báo khu vực của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) ở Việt Nam nhằm nâng cao năng lực và hỗ trợ các Đài khí tượng thủy văn khu vực, Đài khí tượng thủy văn tỉnh; tiếp tục đầu tư kinh phí nâng cấp trang thiết bị dự báo.

Nghiên cứu, áp dụng nhiều mô hình toán hiện đại trên thế giới trong công tác dự báo, cảnh báo lũ; dự báo phục vụ vận hành hồ chứa như mô hình thủy văn mưa rào dòng chảy thông số tập trung. Đối với công tác cảnh báo lũ quét: đã ứng dụng các sản phẩm của hệ thống định hướng cảnh báo lũ quét (FFGS) hiện đại của Trung tâm Nghiên cứu thủy văn Mỹ (HRC) sử dụng dữ liệu vệ tinh, số liệu mưa thời gian thực từng giờ, dữ liệu dự báo lượng mưa cực ngắn, tính toán độ ẩm đất, tính toán đưa ra chỉ số chuẩn đoán khả năng xảy ra lũ quét và bản đồ chỉ ra các vị trí nguy hiểm có khả năng xảy ra lũ quét. Đồng thời, công nghệ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất triển khai thêm sử dụng phương pháp thống kê, phân tích các bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét và sạt lở đất, bản đồ phân tích các

vùng mưa lớn kết hợp với tham khảo sản phẩm từ Hệ thống định hướng cảnh báo lũ quét FFGS; phối hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu quan trắc và vận hành hồ chứa phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. Tăng cường mật độ trạm quan trắc, nhất là các trạm trên biển, các trạm đo mưa tự động trên khu vực có địa hình phức tạp, các trạm quan trắc cao không, radar. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống radar thời tiết. Đầu tư trang bị hệ thống máy tính hiệu năng cao. Tăng cường mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn tại khu vực thượng lưu và hạ lưu các hồ chứa nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác cảnh báo, dự báo lũ.

5. Về lĩnh vực biến đổi khí hậu.

- Về công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu:

Triển khai Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, Bộ TNMT đã xây dựng tài liệu phổ biến kiến thức và kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu cho cán bộ quản lý các cấp; tổ chức cuộc thi ảnh với chủ đề “Biến đổi khí hậu và hành động của chúng ta”; tổ chức tìm hiểu về biến đổi khí hậu cho các giáo viên, phụ huynh và học sinh, tìm hiểu mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông qua Chương trình mục tiêu, các hoạt động phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho các đối tượng khác nhau qua báo đài, truyền hình, đào tạo, tập huấn tại các địa phương.

- Về triển khai Nghị quyết 853/NQ-UBTVQH14 về kết quả giám sát và đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long và Kế hoạch châu thổ đồng bằng sông Cửu Long:

Triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức Diễn đàn đồng bằng sông Cửu Long: Từ chính sách đến thực hiện” được Thủ tướng Chính phủ thông qua, Bộ TNMT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thành công Hội nghị của Chính phủ đánh giá kết quả 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP. Thực hiện ý kiến kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, theo đó, đã đánh giá khái quát kết quả thực hiện, những hạn chế, thách thức và giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP như khẩn trương thành lập Hội đồng điều phối vùng; tập trung xây dựng Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường thu hút nguồn lực đầu tư, đề xuất cơ chế tài chính phù hợp cho phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu dân cư; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và đẩy mạnh cung cấp thông tin, truyền thông, nâng

cao nhận thức của các cấp, người dân và cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, phổ biến nhân rộng các mô hình hiệu quả, sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về bố trí nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu:

Nhận thức được tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững đất nước, mặc dù ngân sách nhà nước còn khó khăn nhưng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm tổ chức triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án đầu tư công ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông qua đó, đã huy động một nguồn lực lớn từ ngân sách trung ương cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đã giành 11.000 tỷ đồng để các Bộ, ngành, địa phương triển khai các hoạt động, công trình dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến nay, nguồn kinh phí nêu trên đã được Quốc hội thông qua trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Thủ tướng Chính phủ đã giao đủ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện, góp phần ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu.

III. Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

1. Về công tác giáo dục nghề nghiệp (GDNN).

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, ban hành đầy đủ, đúng tiến độ 63 văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý để các cơ sở GDNN ổn định tổ chức, tuyển sinh, đào tạo theo quy định của Luật GDNN.

- Trong khi chờ xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo đúng quy định của Luật Quy hoạch 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) đã chủ động triển khai quy hoạch 45 trường chất lượng cao, 134 ngành/ngành trọng điểm; đơn đốc làm việc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương rà soát, sắp xếp mạng lưới theo NQ19 TW và NQ08 CP.

Kết quả năm 2018 giảm được 35 trường; 6 tháng năm 2019 giảm được 24 trường, hiện nay đang nhận được đề nghị của 24 địa phương đề nghị sáp nhập 10 trường cao đẳng, 32 trường trung cấp. Tính chung 2018-2019 sẽ giảm được 100 trường công lập, giảm 16%, vượt trước mục tiêu NQ19 TW là đến năm 2021 giảm ít nhất 10%.

- Tuyển sinh GDNN có sự chuyển biến rõ rệt, nhất là trình độ trung cấp, cao đẳng, nếu như trước 2017 chỉ đạt 60-70% kế hoạch thì 2 năm 2017-2018 đều vượt kế hoạch năm, nhiều trường 8 tháng đầu năm đã tuyển đủ theo chỉ tiêu cả năm và tổ chức khai giảng sớm; kết quả tuyển sinh đã có sự phân hoá về chất lượng, thương hiệu của các trường tốt, những ngành nghề mũi nhọn cho phát triển đất nước.

- Gắn kết với doanh nghiệp, thị trường lao động là 01 trong 03 đột phá để đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN. Cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp đang bắt đầu hình thành và vận hành tốt trong thực tiễn thông qua chương trình phối hợp công tác giữa Tổng cục Giáo dục nghề

nghiệp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), với các hiệp hội, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo đã chuyển biến tích cực: 85% số người học nghề xong có việc làm. Ở nhiều trường, nhiều nghề 100% người tốt nghiệp có việc làm với thu nhập tốt. Đã xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình đào tạo có hiệu quả, một số cơ sở, chương trình đánh giá đạt theo tiêu chuẩn kiểm định của Anh, 02 chương trình được nhận chứng chỉ kiểm định ABET rất uy tín của Mỹ, 25 trường được công nhận đủ điều kiện triển khai đào tạo một số nghề theo chuẩn của Úc, 45 trường đào tạo theo tiêu chuẩn của Đức... Cùng với đó, việc đẩy mạnh gắn kết với doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo theo đơn hàng cung ứng lao động đi làm việc ở các nước ngoài, tuyển sinh gắn với tuyển dụng, đào tạo gắn với cam kết việc làm và thu nhập thỏa đáng sau khi tốt nghiệp; ngày càng nhiều doanh nghiệp đánh giá tốt về chất lượng tay nghề của người lao động. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã phát huy kết quả, hiệu quả, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính trong GDNN được triển khai quyết liệt. Bộ LĐTBXH đã giao quyền tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các trường dựa trên năng lực đào tạo được đăng ký; chuẩn bị các điều kiện để triển khai cơ chế đặt hàng đào tạo (trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, ban hành Thông tư quy định những nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, những nghề xã hội có nhu cầu nhưng khó tuyển sinh, những nghề đặc thù; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá đặt hàng cho những ngành nghề trọng điểm...).

- Bộ LĐTBXH đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDNN, đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, xử lý nghiêm các vi phạm và kịp thời kiến nghị điều chỉnh các quy định về tổ chức hoạt động GDNN, hoạt động liên kết đào tạo, mở cơ sở đào tạo... Để phòng ngừa những sai phạm trong hoạt động đào tạo, quản lý văn bằng chứng chỉ đào tạo, Bộ đang chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến GDNN, tổ chức quản lý văn bằng online và cấp chứng chỉ văn bằng số.

2. Lĩnh vực lao động, việc làm.

a) Các kết quả đạt được của thị trường lao động trong nước:

Từ năm 2016 đến năm 2018 lực lượng lao động cả nước tăng từ 54,44 triệu người lên 55,64 triệu người, tỷ lệ lao động tham gia lực lượng lao động luôn duy trì trên 76% (năm 2016: 76,75%; quý IV/2018: 77,21%), số lao động có việc làm tăng liên tục qua các năm (năm 2016: 56,3 triệu người, quý IV/2018: 54,53 triệu người), tỷ lệ lao động làm công ăn lương tăng từ 41,2% lên 45,14%, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực (năm 2016: 41,6% lao động làm trong khu vực nông lâm ngư nghiệp - 24,7% công nghiệp xây dựng - 33,4% thương mại dịch vụ; quý IV/2018 tỷ lệ tương ứng: 36,53% - 27,76% - 35,71%). Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản quý IV/2018 là 56,2% (trong đó khu vực thành thị là 48%; khu vực nông thôn là 63%) (năm 2016: 55,9%).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có sự tăng khá cao, từ 53% năm 2016 lên 58,6% năm 2018 và dự kiến đến năm 2019 đạt 61,2%.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm có xu hướng giảm dần qua các năm. Tỷ lệ thất nghiệp quý IV năm 2018 là 2,17% (tỷ lệ này của năm 2016 là 2,30%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là 6,78% giảm 6,65% so với năm 2016 (năm 2016: 7,43%).

Để có được những thay đổi tích cực của thị trường lao động, Bộ LĐTBXH đã đồng loạt triển khai các hoạt động sau:

- Triển khai các hoạt động để phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng và phổ biến các sản phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Tổ chức thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ người lao động và các cơ sở sản xuất kinh doanh tạo việc làm thông qua việc vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

- Tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp nhằm giúp người lao động thất nghiệp sớm tìm kiếm việc làm, đồng thời bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi bị thất nghiệp.

- Tập trung phát triển và hình thành hệ thống các Trung tâm DVVL nhằm tăng cường kết nối cung – cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn, góp phần tăng trưởng và giải quyết việc cho người lao động.

- Hướng dẫn cấp phép và quản lý các doanh nghiệp hoạt động DVVL, doanh nghiệp cho thuê lại lao động, tạo sự linh hoạt trong việc cung ứng và sử dụng lao động, phù hợp với xu thế tất yếu của thị trường lao động. Đồng thời, chỉ đạo hệ thống Trung tâm DVVL phối kết hợp với các doanh nghiệp hoạt động DVVL, các doanh nghiệp cho thuê lại lao động để chia sẻ, kết nối thông tin nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động DVVL.

b) Về công tác quản lý lao động Việt Nam ở nước ngoài:

Bộ LĐTBXH chú trọng phát triển thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế bao gồm:

- Tăng cường xúc tiến trao đổi thông tin ở các cấp với cơ quan hữu quan của các nước tiếp nhận lao động nhằm tìm hiểu thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tiếp nhận lao động nước ngoài cũng như những chính sách liên quan đến lao động di cư tại các nước tiếp nhận lao động;

- Đàm phán và ký kết các Thỏa thuận hợp tác lao động với những nước chưa ký Hiệp định/Bản Ghi nhớ về hợp tác lao động với Việt Nam nhằm tạo ra khuôn khổ và hành lang pháp lý để triển khai việc đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động Việt Nam;

- Định kỳ bố trí các cuộc họp thường niên nhằm trao đổi thông tin về tình hình triển khai các Thỏa thuận, cập nhật những chính sách quy định mới liên

quan đến người lao động ở cả nước phải cử và tiếp nhận, trên cơ sở đó có những đánh giá và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng trong thời gian tới.

Kết quả, Bộ LĐTBXH đã đàm phán và ký kết các Thỏa thuận:

- Bản ghi nhớ (MOU) về Chương trình phải cử lao động đi làm việc tại Hàn Quốc (EPS) ngày 23/03/2018;

- Bản ghi nhớ hợp tác về việc phải cử và tiếp nhận thực tập sinh hộ lý với Cục Phúc lợi xã hội và nạn nhân chiến tranh - Bộ Y tế - Lao động và Phúc lợi xã hội Nhật Bản ngày 27/7/2018;

- Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) về phát triển nguồn nhân lực và sử dụng các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật kỹ giữa với tỉnh Saitama - Nhật Bản;

- Thỏa thuận hợp tác lao động và chính sách xã hội ký với Bộ Lao động và Chính sách xã hội Bungari ngày 26/11/2018;

- Thỏa thuận hợp tác lao động và chính sách xã hội ký với Bộ Lao động và công bằng xã hội Rumani.

Trong thời gian qua, Bộ LĐTBXH tiến hành rà soát tất cả các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Toàn bộ các TTHC thực hiện ở cấp Trung ương được niêm yết đầy đủ tại trụ sở Cục Quản lý lao động ngoài nước, trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Cục Quản lý lao động ngoài nước. Với các TTHC được sửa đổi, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đầy đủ việc ban hành Quyết định công bố TTHC theo quy định. Bộ đã chỉ đạo Cục Quản lý lao động ngoài nước triển khai các hoạt động để thành lập bộ phận một cửa tại Cục, trong đó bao gồm xác định các thủ tục hành chính sẽ thực hiện tiếp nhận tại bộ phận một cửa, liệt kê các tài liệu và quy trình tiếp nhận, xử lý của các thủ tục; triển khai thực hiện dịch vụ bưu chính công;

Về minh bạch việc cấp giấy phép đối với doanh nghiệp đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài: Trong dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP đã quy định cụ thể các đầu mục hồ sơ đối với từng điều kiện về vốn, người lãnh đạo điều hành, cơ sở vật chất, cán bộ của bộ máy; quy định cụ thể số lượng hồ sơ, hình thức tiếp nhận; đưa ra khỏi danh mục 03 TTHC; bãi bỏ 05 TTHC, đơn giản hóa 11 TTHC. Tỷ lệ danh mục TTHC bãi bỏ và đơn giản hóa chiếm 16/28 TTHC trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (57%).

3. Lĩnh vực trẻ em.

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về trẻ em:

Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 03 Luật trong đó có nội dung liên quan đến thực hiện quyền trẻ em; Chính phủ đã ban hành 13 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 07 quyết định; Bộ LĐTBXH đã ban hành theo thẩm quyền 17 Thông tư và 02 kế hoạch. Nhìn chung, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành pháp luật, chính sách về trẻ em được đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra, từng bước hoàn thiện thể chế bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và

đáp ứng nhu cầu của trẻ em. Việc lấy ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng các chính sách có liên quan đến trẻ em được các bộ, ngành, địa phương chú trọng hơn.

b) Công tác tuyên truyền, giáo dục gia đình, cộng đồng, trẻ em về kiến thức kỹ năng phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em:

Bộ LĐTBXH đã phối hợp với các bộ, ngành; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các cơ quan báo chí xây dựng kế hoạch, triển khai truyền thông về: tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; phát hiện, lên án các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em. Phối hợp với các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội rà soát, xây dựng tài liệu, sản phẩm truyền thông và tổ chức các sự kiện, chiến dịch truyền thông về phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em (chiến dịch “Lan tỏa yêu thương”; chiến dịch “Suy nghĩ trước khi chia sẻ”...). Thông tin, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 trên các kênh truyền thông đại chúng và mạng xã hội. Truyền thông, vận động xã hội, thúc đẩy phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em”...

Ngày 06/8/2018, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em với 675 điểm cầu cấp trung ương, tỉnh, huyện và 18.000 đại biểu từ trung ương đến cấp xã tham dự. Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, quán triệt việc tăng cường quản lý nhà nước về công tác bảo vệ trẻ em; các bộ, ngành, địa phương phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ trẻ em; bố trí ngay người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã; đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em và tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành nhằm tạo chuyển biến căn bản trong công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

c) Trách nhiệm của cơ quan hữu quan trong việc ngăn ngừa, phát hiện, xử lý tin báo, tố giác, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm hại trẻ em; quy trình nghiệp vụ đặc thù trong điều tra, truy tố, xét xử các hành vi xâm hại trẻ em:

Bộ LĐTBXH phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (cơ quan chủ trì), Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp xây dựng Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT- VKSNDTC- TANDTA- BCA- BTP- BLĐTBXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, trong đó quy định việc phối hợp giải quyết nhanh chóng, kịp thời vụ án, vụ việc có người bị hại dưới 18 tuổi bị xâm hại tình dục.

Đối với các vụ việc phức tạp, nghiêm trọng hoặc giải quyết chậm trễ, Bộ có văn bản hoặc trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi xảy ra vụ việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh, có biện pháp hỗ trợ, can thiệp, kịp thời bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân, đồng thời phối hợp với cơ quan công an trong việc điều tra, xử lý hành vi xâm hại trẻ em. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em thực hiện quy trình kết nối với trẻ em hoặc gia đình nạn nhân và các cơ quan, dịch vụ có liên quan tại

địa phương và trung ương; hướng dẫn, theo dõi việc lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp theo quy định của Luật Trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kịp thời, phù hợp, bảo đảm cho trẻ em sớm phục hồi và ổn định cuộc sống.

Bên cạnh đó, công tác điều tra, truy tố, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em cũng được các cơ quan liên quan vào cuộc quyết liệt: Bộ Công an đã triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh với loại tội phạm liên quan đến bạo lực, xâm hại trẻ em, yêu cầu công an các địa phương tổng hợp tình hình các vụ xâm hại tình dục trẻ em, xác định nguyên nhân dẫn đến những vụ việc đang bị tồn đọng, kéo dài; báo cáo căn cứ, lý do đình chỉ những vụ việc này và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra, xử lý; chỉ đạo tăng cường các biện pháp phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã chỉ đạo toàn ngành kiểm sát tăng cường công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm, kịp thời xử lý nghiêm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, phối hợp với các cơ quan rà soát hồ sơ, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em đã tiếp nhận để xử lý dứt điểm, không để tồn đọng kéo dài.

Tòa án nhân dân tối cao đã chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án liên quan đến trẻ em, đặc biệt là các vụ án xâm hại tình dục trẻ em đảm bảo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm về bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng trong tình hình hiện nay.

IV. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

1. Chính sách, pháp luật về giáo dục đào tạo (GDĐT).

a) Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về GDĐT:

Triển khai Luật Giáo dục năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020), Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

b) Rà soát, hoàn thiện chính sách đối với các đối tượng ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi:

Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành một số văn bản về chế độ, chính sách cho trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt đối với học sinh nghèo ở vùng sâu, vùng xa gồm: chính sách học bổng; chính sách hỗ trợ học tập; chính sách miễn, giảm học phí; chính sách phát triển giáo dục đối với các dân tộc thiểu số rất ít người. Đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các phụ cấp, trợ cấp chung đối với công chức, viên chức và người lao động, ngoài ra còn được hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ. Các chính sách đối với cán bộ quản lý giáo dục, giáo

viên công tác ở các trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản trên bao gồm nhiều loại phụ cấp, trợ cấp.

Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng Nghị định tích hợp các chính sách về học bổng và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên; trong đó sẽ điều chỉnh chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên đặc biệt đối với học sinh nghèo ở vùng sâu, vùng xa vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Kịp thời sửa đổi, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết Luật Giáo dục đại học:

Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học để ban hành trước khi Luật có hiệu lực thi hành.

Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, Bộ GDĐT đã có công văn số 499/BGDĐT-GDDH ngày 14/02/2019 yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu và phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học đang học tập, làm việc tại cơ sở giáo dục đại học; đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Giáo dục đại học.

a) Hoàn thành đề án cụ thể về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục II phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14).*

b) Phát triển chương trình đào tạo đại học theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế:

Theo quy định của Luật Giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục đại học được chủ động phát triển chương trình đào tạo đại học theo các quy định của pháp luật. Bộ GDĐT đã và đang thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phát triển chương trình đào tạo gồm: Tăng cường công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng và tỷ lệ người tốt nghiệp sau đại học có việc làm của cơ sở đào tạo; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học (trong đó có kiểm định quốc tế); chỉ đạo các trường đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng chương trình đào tạo và công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Tăng cường kết hợp với các cơ sở sử dụng lao động, các công ty, các viện nghiên cứu trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

c) Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học:

Công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) tiếp tục được chỉ đạo đẩy mạnh theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế. Kết quả thực hiện KĐCLGD đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm như sau (tính đến ngày 31/8/2019): Có 251 cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn và tổ chức KĐCLGD trong nước (trong đó có 222 cơ

sở giáo dục đại học và 28 trường cao đẳng sư phạm và 01 trường trung cấp sư phạm); 133 cơ sở giáo dục đại học và 07 trường cao đẳng sư phạm được đánh giá ngoài, trong đó có 123 cơ sở giáo dục đại học và 05 trường cao đẳng sư phạm được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; có 72 chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá, trong đó có 64 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài và 19 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Có 07 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá và công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng Cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp (HCERES) và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA); có 139 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài và công nhận bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài.

d) Giải thể các cơ sở đào tạo đại học chất lượng yếu, kém:

Trong năm 2019, thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ GDĐT đang huy động các nguồn lực và tập trung hoàn thiện 02 Đề án: Đề án Sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm và hình thành một số trường sư phạm trọng điểm và Đề án Sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học công lập với mục tiêu: hình thành một mạng lưới cơ sở giáo dục đại học có cơ cấu hợp lý, có quy mô, chất lượng đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

đ) Chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học:

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường hoạt động truyền thông và liên kết các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; quán triệt nội dung Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trên cơ sở Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025, Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 của ngành Giáo dục nhằm tạo môi trường và cơ chế hoạt động khởi nghiệp, tạo chuyển biến mang tính đột phá về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại các đại học, học viện, các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm trong cả nước; giao nhiệm vụ cho một số cơ sở đào tạo triển khai thí điểm Quyết định số 1665/QĐ-TTg và Quyết định số 844/QĐ-TTg về hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo; tổ chức tọa đàm Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong ngành Giáo dục.

Hoạt động khoa học và công nghệ trong giáo dục đại học đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, các nhà khoa học, các chuyên gia đang làm việc trong các ngành và lĩnh vực khác nhau. Hiện có 142/271 trường đại học đã hình thành 945 nhóm nghiên cứu (trung bình có 7 nhóm nghiên cứu/trường đại học). Nhiều cơ sở đào tạo đã thành lập các nhóm giảng dạy - nghiên cứu vừa thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, vừa hỗ trợ công tác giảng dạy, nâng cao năng lực của giảng viên.

Một số cơ sở giáo dục đại học tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp trong hợp tác đào tạo nhằm tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có thể bắt tay ngay vào công việc, không phải đào tạo lại. Các chương trình hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học mang lại cơ hội cho giảng viên và sinh viên giao lưu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu... Các cơ sở ngày càng tiệm cận với tiêu chuẩn đào tạo của thế giới.

e) Thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong GDĐT chất lượng cao:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 nhằm tạo bước đột phá đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với nhiều nội dung cởi mở, thông thoáng hơn; trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó có quy định tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học có uy tín của nước ngoài thành lập phân hiệu tại Việt Nam; hoàn thiện xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cử và tuyển lưu học sinh đi học ở nước ngoài.

Bộ GDĐT đã ký kết 21 văn bản hợp tác với nước ngoài, trong đó 6 văn bản cấp Chính phủ, 15 văn bản cấp Bộ, tăng đáng kể so với năm học 2017-2018 là 16 văn bản (3 cấp Chính phủ và 13 cấp Bộ). Đến nay, cả nước có tổng số 455 dự án FDI thuộc lĩnh vực GDĐT trên tổng số 27.353 dự án đầu tư nước ngoài của 19 ngành kinh tế. Triển khai hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận với nước ngoài về hợp tác giáo dục.

g) Thúc đẩy phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo ngang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao:

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Đề án sắp xếp lại các trường sư phạm và thành lập một số trường sư phạm trọng điểm nhằm hình thành mạng lưới đào tạo giáo viên bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nhu cầu về số lượng, cơ cấu và tăng cường năng lực giáo viên của các địa phương và Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ để giảm đầu mỗi quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động; đang hoàn thiện Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các cơ sở GDDH công lập để hình thành được hệ thống cơ sở GDDH công lập với số lượng, cơ cấu hợp lý, qua đó tăng hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng GDDH.

Hiện nay, Bộ GDĐT đang rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Quy hoạch; xây dựng kế hoạch để tổng kết việc thực hiện các mục tiêu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 và giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045.

h) Khẩn trương ban hành quy định cụ thể về tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, đổi mới cơ chế học phí:

Năm học 2018 - 2019 đánh dấu những bước chuyển biến trong quyết tâm nâng cao chất lượng đào tạo. Quyền tự chủ cho các trường trong đào tạo, nhân sự và tài chính... được đẩy mạnh thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH. Sau thành công của 23 trường ĐH được tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, đã thí điểm mở rộng quyền tự chủ của 03 Trường ĐH Bách Khoa Hà

Nội, Trường ĐH Kinh tế quốc dân và Trường ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ ban hành Nghị định hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH, trong đó tập trung vào các điều kiện và quy định tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH

i) Tiếp tục hoàn thiện và ổn định kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng, khắc phục tình trạng chạy theo thành tích trong giáo dục, giảm áp lực cho học sinh, gia đình và xã hội: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục II phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14).*

k) Về chính sách thu hút học sinh giỏi vào học ngành sư phạm:

Do chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ giáo viên có nhiều bất cập nên ngành sư phạm không còn sức hấp dẫn với nhiều học sinh có năng lực, học giỏi, khá. Cùng với đó, công tác dự báo nhu cầu nhân lực và kiểm soát việc tuyển dụng giáo viên chưa được chú trọng nên đã để xảy ra hiện tượng thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Nhằm từng bước khắc phục tình trạng trên, Bộ GDĐT đã tập trung triển khai một số giải pháp: Sửa đổi các quy định về tuyển sinh sư phạm; phối hợp với các địa phương rà soát nhu cầu giáo viên các cấp, thực hiện giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm nhằm hạn chế tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ, đảm bảo tăng tỷ lệ sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp có việc làm; đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng đối với các trường sư phạm, công bố công khai kết quả đánh giá, kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng cùng với những thông tin liên quan đến quá trình đào tạo để người học và xã hội giám sát; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp sư phạm, có cơ chế hỗ trợ khả năng có việc làm đúng hoặc phù hợp sau khi tốt nghiệp cho sinh viên; tăng cường sự phối hợp với các bên liên quan trong việc quan tâm đến nâng cao vị thế nhà giáo, tăng tính hấp dẫn của nghề giáo, môi trường làm việc của giáo viên gắn với chế độ đãi ngộ lương, phụ cấp, thu nhập, điều kiện, điều kiện thăng tiến; tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhân lực sư phạm, khảo sát nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn để xây dựng phương án phân bổ chỉ tiêu các ngành sư phạm, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học làm căn cứ xây dựng chính sách đào tạo sư phạm phù hợp với yêu cầu triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới...

l) Rà soát, hoàn thiện quy trình, thủ tục và công khai việc công nhận văn bằng, học vị, chức danh giảng viên đại học:

- Hoàn thiện quy trình, thủ tục công nhận văn bằng

Bộ GDĐT đang hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở nước ngoài cấp theo hướng: Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến, cải cách hành chính, giảm thủ tục, giảm thời gian trả kết quả; giảm bớt thủ tục không cần thiết; mở rộng thẩm quyền công nhận văn bằng: quy định các cơ sở giáo dục đại học có thể tự đánh giá và chấp nhận văn bằng do nước ngoài cấp trong nội bộ đơn vị mình; Giấy công nhận văn bằng đầy đủ thông tin hơn để cung cấp cho đơn vị sử dụng.

- Công khai thông tin về công nhận văn bằng học vị, chức danh giảng viên đại học

+ Để giúp cho người dân tham khảo khi chọn các chương trình học được công nhận, Bộ GDĐT đã công khai các thông tin trên website của Trung tâm Công nhận văn bằng trực thuộc Cục Quản lý chất lượng (<http://naric.edu.vn>).

+ Thực hiện Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở; gửi các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành nhiệm kỳ 2014-2019, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu khoa học có đào tạo trình độ tiến sĩ đề nghị giới thiệu ứng viên tham gia Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành nhiệm kỳ 2018-2023.

3. Chương trình và sách giáo khoa và mô hình đào tạo.

a) Tích cực chuẩn bị và triển khai thực hiện chương trình và SGK giáo dục phổ thông theo Nghị quyết của Quốc hội: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục II phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14).*

b) Rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phổ thông gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu, chất lượng giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông:

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ GDĐT đã đề nghị các địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nhằm khắc phục những hạn chế, tạo sự đồng bộ, đảm bảo hiệu quả; tiếp tục rà soát quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đối với khu vực thành phố, quy hoạch trường, lớp cần theo hướng mở rộng ra khu vực ngoại ô để khắc phục tình trạng sĩ số lớp quá đông do thiếu quỹ đất. Tăng cường xã hội hóa để thành lập mới các trường tu thực chất lượng cao; phát triển trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Đối với các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cần có lộ trình sắp xếp điểm trường, lớp hợp lý. Công tác quy hoạch trường, lớp phải gắn với chuẩn bị cơ sở vật chất, đào tạo lại đội ngũ giáo viên, đặc biệt là gắn với chương trình giáo dục phổ thông mới; việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục phải được thực hiện trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh; phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Khắc phục tình trạng trường lớp có quy mô nhỏ và chất lượng giáo dục chưa cao, từ đó có điều kiện tập trung đầu tư nguồn lực kể cả về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục...

Thời gian tới, Bộ GDĐT tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh các quy định, quy chuẩn và tổng kết đánh giá việc thực hiện của các địa phương để xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phù hợp với điều kiện của từng địa phương, tiếp tục

hướng dẫn các địa phương triển khai có hiệu quả việc sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, dồn dịch các điểm trường đạt hiệu quả.

c) **Đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện cho việc hình thành các trường tư thục chất lượng cao:**

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ xem xét ban hành Nghị quyết về huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho lĩnh vực GDĐT; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công (trong đó có lĩnh vực GDĐT). Sau khi các văn bản này được ban hành, Bộ GDĐT sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách khuyến khích xã hội hóa để tạo điều kiện hơn nữa thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục II phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14).*

đ) Triển khai có hiệu quả Đề án ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học:

Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai chính phủ điện tử của Bộ. Năm 2018, chỉ số hiện đại hóa cải cách hành chính của Bộ GDĐT tăng 8 bậc (từ vị trí thứ 10 năm 2017, lên vị trí thứ 2 năm 2018). Công dịch vụ công trực tuyến của Bộ đã cung cấp 22 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. 100% lãnh đạo, chuyên viên Bộ được cấp và sử dụng chữ ký số để tiếp nhận và xử lý văn bản điện tử và công việc hàng ngày; 63 sở GDĐT và hơn 300 trường ĐH, CĐ trên cả nước đã triển khai e-office kết nối với Bộ GDĐT; Hội nghị truyền hình kết nối giữa Bộ và 63 Sở được triển khai hiệu quả.

Cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông được triển khai tại 63 sở GDĐT, 710 phòng GDĐT và 52.900 cơ sở giáo dục trên toàn quốc; hệ thống cơ sở dữ liệu về GDDH bước đầu triển khai đối với công tác tuyển sinh và thống kê ngành. Bộ GDĐT đã ban hành quy định về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ làm cơ sở triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, không chồng chéo và hiệu quả; ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông làm cơ sở để kết nối, liên thông, trao đổi dữ liệu giữa phần mềm quản lý giáo dục ở địa phương với cơ sở dữ liệu của ngành. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Công thông tin tuyển sinh và các hệ thống nghiệp vụ phục vụ các hoạt động của kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh vào ĐH.

e) Triển khai có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục II phần B (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14).*

4. Giáo dục mầm non:

a) **Đẩy mạnh việc hướng dẫn nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục:**

Bộ GDĐT phối hợp với Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo các địa phương thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 về hỗ trợ các nhóm lớp độc lập tư thục; phối hợp với UNICEF tổ chức hội thảo Thực trạng và giải pháp hỗ trợ cha mẹ chăm sóc giáo dục trẻ có chất lượng lượng và vấn đề đảm bảo các quyền trẻ em; xây dựng kế hoạch hợp tác với tổ chức Half the Sky Foudation nhân rộng mô hình hỗ trợ các nhóm lớp độc lập tư thục và cha mẹ trẻ ở các khu công nghiệp (đang thực hiện ở Đà Nẵng); chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhà trường và tại gia đình. Hiện nay, Bộ GDĐT đang xây dựng tài liệu hướng dẫn nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình và các nhóm trẻ độc lập, tư thục; tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán ở các cơ sở giáo dục mầm non việc tổ chức hướng dẫn và phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhà trường và tại gia đình.

b) Làm tốt công tác dự báo, quy hoạch, phát triển trường mầm non, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu vực đông dân cư; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non:

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất; thực hiện các chính sách xã hội hóa giáo dục, phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước; tham mưu ban hành cơ chế chính sách địa phương nhằm thu hút nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục mầm non.

c) Quản lý chặt chẽ việc cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động và hoạt động đối với giáo dục mầm non:

Bộ GDĐT đã tổ chức đoàn kiểm tra công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non và đoàn khảo sát liên ngành về tình hình trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất tại một số tỉnh, thành phố đại diện cho 3 miền là các địa phương có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất; chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là việc cấp phép thành lập, hoạt động các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục; kiên quyết đình chỉ các nhóm lớp độc lập tư thục không đảm bảo các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm; phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể trong việc quản lý giáo dục mầm non, đặc biệt là giáo dục mầm non ngoài công lập; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư giám sát việc tổ chức, hoạt động các nhóm lớp độc lập tư thục.

5. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục:

a) Rà soát, hoàn thiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên cho đội ngũ giáo viên theo bậc học, cấp học; tăng cường quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp:

Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông làm căn cứ để: (i) giáo viên tự đánh giá phẩm chất, năng lực;

xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, (ii) các cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên; xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường, địa phương và của ngành Giáo dục; (iii) cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách phát triển đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; lựa chọn, sử dụng đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán; (iv) các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Bộ cũng đã ban hành các văn bản quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, làm căn cứ để hiệu trưởng tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hiện tại Bộ GDĐT đang tiến hành xây dựng các Chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý theo các chuẩn đã ban hành để tiến hành bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

b) Rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên:

Bộ GDĐT đã ban hành quy định về khung mục danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; gửi các văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đề nghị rà soát việc tuyển dụng, bố trí và sử dụng viên chức ngành Giáo dục, đơn đốc thực hiện tinh giản biên chế nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhân viên hoặc bố trí, sử dụng không đúng cơ cấu giáo viên và không phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Đầu năm học 2018-2019, Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát vấn đề biên chế, hợp đồng giáo viên, báo cáo Chính phủ xem xét, bổ sung 26.726 biên chế giáo viên mầm non cho 17 tỉnh tăng trưởng dân số cơ học và 5 tỉnh Tây Nguyên để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên mầm non ở một số địa phương.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục:

Bộ GDĐT đã ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp học với các tiêu chuẩn/tiêu chí, trong đó có tiêu chí về đạo đức nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; yêu cầu Sở GDĐT xử lý nghiêm những giáo viên, cán bộ quản lý vi phạm đạo đức nhà giáo. Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành chỉ thị tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo, theo đó đã yêu cầu các cơ sở giáo dục quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế làm việc và quy tắc ứng xử của đơn vị; đồng thời, ban hành văn bản yêu cầu các địa phương, các cơ sở giáo dục chấn chỉnh, tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

Bộ GDĐT đã tổ chức và chỉ đạo các địa phương thực hiện bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo; bồi dưỡng việc áp dụng phương pháp giáo dục tích cực trong nhà trường; nâng cao nhận thức để mỗi nhà giáo ý thức được vai trò, vị trí của mình, luôn giữ gìn danh dự, uy tín, đạo đức nhà giáo; chú trọng việc biểu dương, tôn vinh những tấm gương nhà

giáo điển hình, mẫu mực và sự cống hiến, hy sinh của nhà giáo; đẩy mạnh truyền thông để nâng cao hình ảnh, uy tín của nhà giáo đối với toàn xã hội; chủ động nắm bắt thông tin, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo. Phối hợp với Công đoàn Giáo dục Việt Nam đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” để mỗi giáo viên thường xuyên nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, giáo dục học sinh.

d) Phát huy dân chủ, thực hiện nền nếp, kỷ cương trường học, làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trong trường học; trong năm 2018, ban hành đề án về văn hoá ứng xử trong trường học:

- Ban hành đề án về văn hoá ứng xử trong trường học:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 phê duyệt Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 quy định Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Phát huy dân chủ, thực hiện nền nếp, kỷ cương trường học, làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, rèn luyện thể chất cho học sinh:

Bộ GDĐT triển khai nhiều giải pháp tăng cường nền nếp, kỷ luật và công tác Đoàn, Hội, Đội trong trường học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên; đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định và ban hành theo thẩm quyền 08 văn bản chỉ đạo (02 Quyết định, 02 Thông tư và 04 công văn) hướng dẫn việc thực hiện nền nếp, kỷ luật trong trường học.

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng văn hóa nhà trường; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh, đặc biệt là giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường thực hiện nền nếp, kỷ cương trường học; xây dựng và thực hiện tiêu chí đánh giá công tác giáo dục đạo đức, lối sống trong các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo; việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; chỉ đạo xây dựng chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới, trong đó chú trọng nội dung môn Đạo đức, Giáo dục công dân và dạy đạo đức lối sống thông qua ...

- Tăng cường an ninh, an toàn trong trường học:

Bộ GDĐT phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020”; quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025....

6. Thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục.

Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2019 và ban hành văn bản hướng dẫn công tác thanh tra năm học 2018-2019, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, việc thực hiện cơ chế tự chủ, vấn đề dân chủ trong nhà trường, hoạt động liên kết đào tạo, văn bằng chứng chỉ, công tác thi, công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, tình trạng lạm thu, dạy thêm học thêm, an toàn trường học, đạo đức lối sống của học sinh, sinh viên và giáo viên; ban hành văn bản yêu cầu Chánh Thanh tra sở GDĐT các tỉnh, thành phố triển khai công tác thanh tra dạy thêm học thêm và thu chi đầu năm học; công khai đường dây nóng và cử cán bộ thường trực tiếp nhận thông tin phản ánh tiêu cực tại địa phương, tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm. Đồng thời, Bộ sẽ tổ chức kiểm tra công tác thu chi đầu năm học 2019-2020 tại một số địa phương nhằm chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

Bộ GDĐT sẽ thành lập các đoàn kiểm tra về tuyển sinh và đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học; các trường cao đẳng, trung cấp có ngành đào tạo giáo viên; các viện nghiên cứu có đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong đó có việc kiểm tra các hoạt động liên kết và đào tạo; trong các nội dung kiểm tra có kiểm tra về liên kết đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp ĐH; CĐSP và TCSP.

E. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 83/2019/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 7, QUỐC HỘI KHÓA XIV.

I. Lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1. Chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy, liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký Quyết định số 8316/QĐ - BCA - C02, ban hành và triển khai : *Hướng dẫn công tác phòng ngừa nghiệp vụ, tiếp nhận giải tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về tội phạm xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi*”. Hướng dẫn đã được triển khai đến các Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an, Công an các địa phương trên toàn quốc. Nội dung cơ bản của Hướng dẫn nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm của mỗi cán bộ Công an, đặc biệt là Công an các cấp cơ sở ngay từ giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố của người dân, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em; hướng dẫn các kỹ năng phòng ngừa chuyên biệt của ngành Công an (phòng ngừa nghiệp vụ) nhằm nắm tình hình, ngăn chặn và phát hiện kịp thời vụ việc xâm hại tình dục trẻ em; hướng dẫn các kỹ năng thu thập tài liệu chứng cứ ban đầu nhằm nhanh chóng khởi tố điều tra; hướng dẫn các kỹ năng làm việc, kỹ năng điều tra thân thiện đối với trẻ em là nạn nhân, nhân chứng trong vụ án xâm hại tình dục trẻ em. Tuy nhiên, tình trạng bạo hành, xâm hại trẻ em xảy ra nhiều, nhất là tội phạm dâm ô và giao cấu với trẻ em tiếp tục gia tăng (dâm ô trẻ em tăng 46,79%, giao cấu với trẻ em tăng 20,98%), gây bức xúc trong xã hội; xuất hiện thủ đoạn mới của tội phạm mua bán người dưới hình thức mang thai hộ, mua bán bào thai.

Nghiên cứu, đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy. Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh

với tội phạm, tệ nạn ma túy. Đã tham mưu với Bộ Chính trị tổng kết Chỉ thị 21-CT/TW và ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; tổng kết việc thực hiện Luật Phòng, chống ma túy 2008 và đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chỉ đạo triển khai các đề án, dự án nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy các bộ, ngành; Đề án xây dựng xã, phường, thị trấn không có ma túy; các đề án về công tác cai nghiện... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; tổ chức tốt các hoạt động trong tháng hành động và ngày toàn dân phòng, chống ma túy năm 2019 với chủ đề “hãy suy nghĩ kỹ trước khi bắt đầu”; chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng (Công an, Biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển) trong phòng ngừa, ngăn chặn ma túy ngay từ khu vực biên giới, cửa khẩu. Thường xuyên bổ sung, cập nhật các chất ma túy mới vào danh mục kiểm soát; sửa đổi, bổ sung quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo, thống kê phòng chống ma túy; chỉ đạo các bộ, ngành quản lý chặt chẽ các loại tiền chất, không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy tổng hợp. Đã phát hiện 20.247 vụ, 31.464 đối tượng phạm tội về ma túy (ít hơn 4,11% so với cùng kỳ năm 2018). Thu giữ 1.011,08 kg heroin (ít hơn 22,1%); 5.995,99 kg và 855.498 viên ma túy tổng hợp (nhiều hơn 570,23% số kg, ít hơn 40,41% số viên ma túy tổng hợp); 610,646 kg thuốc phiện (ít hơn 7,4%); 768,03 kg cần sa (ít hơn 38,37%).

Rà soát, đánh giá việc thực hiện, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để bảo vệ sức khỏe, tính mạng và tài sản của Nhân dân. Đã tham mưu với Ban Bí thư ban hành Kết luận số 45-KL/TW ngày 01 tháng 02 năm 2019 chỉ đạo tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021; triển khai thực hiện những kiến nghị của Ủy ban Tư pháp Quốc hội tại phiên giải trình về “Tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm xâm phạm an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trong các năm 2017, 2018, đầu năm 2019 và giải pháp trong thời gian tới”. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương đã triển khai nhiều kế hoạch, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Do triển khai quyết liệt các kế hoạch, biện pháp công tác nên tai nạn giao thông được kiềm chế, giảm cả 03 tiêu chí (xảy ra 14.800 vụ tai nạn giao thông làm 6.567 người chết, 11.336 người bị thương, giảm 12,04% số vụ, giảm 9,88% số người chết, giảm 13,09% số người bị thương). Tuy nhiên, còn xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng làm chết và bị thương nhiều người. Tình trạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông còn diễn ra phổ biến. Tình trạng người vi phạm không chấp hành hiệu lệnh, chống lại lực lượng thi hành công vụ, nhất là lực lượng Cảnh sát giao thông diễn ra nghiêm trọng. Trật tự, an toàn giao thông tại một số trạm thu phí BOT diễn biến phức tạp.

2. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, nhất là đồng bào, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân về các loại tội phạm; tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Bộ Công an tham mưu Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai nhiều giải pháp trong phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng phát triển khoa học, công nghệ, lao động việc làm, an sinh xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, hạn chế những nguyên nhân và điều kiện của tội phạm. Rà soát, ký kết quy chế phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể trong phòng, chống tội phạm, trong đó đã phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình phối hợp số 09 về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, ban hành Hướng dẫn thực hiện năm 2019 trong đó phát huy vai trò, trách nhiệm của mặt trận Tổ quốc các cấp trong xây dựng các mô hình tự quản về an ninh trật tự, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư. Quân chúng nhân dân đã cung cấp cho các Cơ quan chức năng hàng chục triệu nguồn tin có liên quan đến an ninh, trật tự, trong đó có nhiều tin có giá trị giúp cơ quan chức năng phát hiện, điều tra, xử lý nhiều vụ việc nghiêm trọng; hòa giải nhiều mâu thuẫn không để phát sinh tội phạm; quản lý, giáo dục, cảm hóa nhiều đối tượng không phạm tội và tệ nạn xã hội.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy lực lượng Công an nhân dân; gắn trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy công an các cấp trong công tác quản lý đối tượng, địa bàn; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý nghiêm hành vi thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, tiếp tay, bao che tội phạm.

Điều chỉnh, bố trí lực lượng Công an hướng về cơ sở và tăng cường cho các lực lượng trực tiếp chiến đấu; xây dựng lộ trình chính quy hóa lực lượng Công an xã để nắm tình hình, giải quyết vấn đề ngay từ khi mới phát sinh. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và các kỹ năng công vụ cho lực lượng thực thi pháp luật. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức. Lực lượng Công an đã đẩy mạnh triển khai thực hiện chủ trương chính quy Công an xã, góp phần nắm và giải quyết tình hình ngay từ địa bàn cơ sở (đã bố trí 5.521 đồng chí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tại 2.141 xã, bước đầu đem lại hiệu quả tích cực).

4. Triển khai cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; hiệu quả công tác phối hợp giữa các lực lượng công an, hải quan, biên phòng và cảnh sát biển trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở khu vực biên giới, cửa khẩu, cảng hàng không, hàng hải và trên biển; hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy, không để Việt Nam trở thành địa bàn trung chuyển ma túy sang nước thứ ba; phối hợp trong công tác cai nghiện, quản lý đối với người nghiện, cơ sở cai nghiện ma túy.

Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng theo Nghị định 77/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ; phối hợp giữa các lực lượng Công an, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển trong phòng, chống ma túy tại khu vực biên giới... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy với nhiều hình thức phong phú, đa dạng; tổ chức tốt các hoạt động trong tháng hành động và ngày toàn dân phòng, chống ma túy năm 2019 với chủ đề “hãy suy nghĩ kỹ trước khi bắt đầu”; chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng (Công an, Biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển) trong phòng ngừa, ngăn chặn ma túy ngay từ khu vực biên giới, cửa khẩu. Thường xuyên bổ sung, cập nhật các chất ma túy mới vào danh mục kiểm soát; sửa đổi, bổ sung quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo, thống kê phòng chống ma túy; chỉ đạo các bộ, ngành quản lý chặt chẽ các loại tiền chất, không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy tổng hợp. Chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đấu tranh theo sự chuyển hướng hoạt động của tội phạm ma túy, tập trung triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn với phương châm bắt giữ cả đường dây, nhất là đối tượng cầm đầu; chuyển hóa các địa bàn phức tạp về ma túy tại địa bàn cơ sở, thực hiện thí điểm việc tổ chức các trạm kiểm soát ma túy công khai; triển khai các cao điểm tấn công trấn áp tội phạm ma túy trên tuyến biên giới miền Trung, Tây Nguyên và tuyến biên giới Tây Nam; tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là với các nước láng giềng trong ngăn chặn hoạt động của tội phạm ma túy xuyên quốc gia. Đã phát hiện 20.247 vụ, 31.464 đối tượng phạm tội về ma túy (ít hơn 4,11% so với cùng kỳ năm 2018). Thu giữ 1.011,08 kg heroin (ít hơn 22,1%); 5.995,99 kg và 855.498 viên ma túy tổng hợp (nhiều hơn 570,23% số kg, ít hơn 40,41% số viên ma túy tổng hợp); 610,646 kg thuốc phiện (ít hơn 7,4%); 768,03 kg cần sa (ít hơn 38,37%). Công tác tấn công trấn áp tội phạm ma túy đạt nhiều kết quả nổi bật, nhất là đã triệt phá được nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia thu giữ số lượng ma túy đặc biệt lớn.

5. Công tác phòng ngừa tội phạm tại địa bàn cơ sở và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; nhân rộng các mô hình tự quản trong đấu tranh phòng chống tội phạm; có biện pháp giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh cầm đồ, dịch vụ tài chính liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”; phát hiện, xử lý nghiêm các hoạt động siết nợ, đòi nợ thuê, băng nhóm đòi nợ có tính chất “xã hội đen”, “bảo kê” vi phạm pháp luật.

Việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố: Đã tiếp nhận mới 96.632 tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố (tăng 8,01% so với cùng kỳ năm trước); tổng số tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố phải giải quyết là 114.091 (tăng 11,38% so với cùng kỳ năm trước). Số tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố đã giải quyết là 96.709 (tỷ lệ giải quyết đạt 84,8%). Nhìn chung, công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tiếp tục đi vào nề nếp, cơ bản đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật nhất là các quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Cơ quan điều tra các cấp thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát tiến

hành phân loại, xử lý và giải quyết những khó khăn, vướng mắc góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, công tác tiếp nhận, phân loại, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn sai phạm, tỷ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm vẫn chưa đạt yêu cầu Quốc hội giao (trên 90%); số tin báo, tố giác quá hạn giải quyết mặc dù giảm 1,1% so với cùng kỳ, nhưng vẫn còn 1.970 trường hợp (chiếm 1,7% so với tổng số tin báo phải giải quyết)...

Đã chỉ đạo các lực lượng tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về tội phạm, nhất là những vấn đề dư luận xã hội bức xúc. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Chỉ đạo triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên (tội phạm có tổ chức liên quan đến “tín dụng đen”). triệt phá 2.167 băng, nhóm tội phạm hình sự các loại, trong đó đã trấn áp mạnh tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” tạo được chuyển biến tích cực; bắt, vận động đầu thú, thanh loại 4.376 đối tượng truy nã, trong đó có 694 đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm; qua phòng ngừa, đấu tranh đã góp phần làm giảm 0,78% số vụ phạm pháp hình sự, nhiều loại tội phạm được kéo giảm như: giết người giảm 11,67%, hiếp dâm giảm 0,32%, trộm cắp tài sản giảm 1,83%, cướp tài sản giảm 8,7%, chống người thi hành công vụ giảm 2,12%, gây rối trật tự công cộng giảm 49,15%, đánh bạc, tổ chức đánh bạc giảm 28,28%...

6. Thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020. Rà soát, đấu tranh, triệt phá các đường dây, đối tượng môi giới mua bán người, tổ chức cho người ra nước ngoài mang thai hộ trái pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân trong phòng chống mua bán người; hợp tác quốc tế trong việc phòng, chống mua bán người; hoàn thiện quy trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến xâm hại trẻ em.

Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ký Chương trình phối hợp trong công tác bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái giai đoạn 2019 – 2022. Các vụ xâm hại trẻ em được điều tra, xử lý quyết liệt hơn, tổ chức tiếp nhận, giải cứu 137 nạn nhân bị mua bán trở về. Việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý chung giữa các quốc gia trong đấu tranh chống loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em cần phải coi là biện pháp ưu tiên hàng đầu. Vì vậy cần đẩy mạnh ký Hiệp định song phương hoặc đa phương về tương trợ tư pháp về hình sự, về dẫn độ tội phạm với các nước, trong đó cần chú ý đến việc hợp tác đấu tranh chống tội phạm du lịch tình dục, tội phạm xâm hại trẻ em trên mạng internet. Tổ chức các đoàn khảo sát, các cuộc hội thảo trao đổi kinh nghiệm đấu tranh phòng chống tội phạm này giữa các chuyên gia của các quốc gia trong khu vực và quốc tế; có cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia với các tổ chức chống tội phạm quốc tế và khu vực như: Interpol, Asianpol..., nhằm khai thác tối đa lợi thế của các tổ chức này trong việc phối hợp để xác minh các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, truy bắt các đối tượng phạm tội.

7. Triển khai các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, xử lý nghiêm người điều khiển phương tiện vi phạm quy định pháp luật về sử dụng rượu, bia, ma túy và chất kích thích khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông; thống nhất số liệu thống kê về tai nạn giao thông giữa các cơ quan liên quan.

Đã tham mưu với Ban Bí thư ban hành Kết luận số 45-KL/TW ngày 01 tháng 02 năm 2019 chỉ đạo tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021; triển khai thực hiện những kiến nghị của Ủy ban Tư pháp Quốc hội tại phiên giải trình về “Tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm xâm phạm an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trong các năm 2017, 2018, đầu năm 2019 và giải pháp trong thời gian tới”. Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương đã triển khai nhiều kế hoạch, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Do triển khai quyết liệt các kế hoạch, biện pháp công tác nên tai nạn giao thông được kiểm chế, giảm cả 03 tiêu chí (xảy ra 14.800 vụ tai nạn giao thông làm 6.567 người chết, 11.336 người bị thương, giảm 12,04% số vụ, giảm 9,88% số người chết, giảm 13,09% số người bị thương). Tuy nhiên, còn xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng làm chết và bị thương nhiều người. Tình trạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông còn diễn ra phổ biến. Riêng lực lượng Cảnh sát giao thông trong 10 tháng (Từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2019) đã phát hiện, xử phạt 3.197.074 trường hợp vi phạm, nộp ngân sách nhà nước 2.072,2 tỷ đồng, tạm giữ 464.524 phương tiện, tước bằng lái 264.469 trường hợp. Các vi phạm chủ yếu là: chạy quá tốc độ, tránh vượt sai quy định, đi sai làn đường, điều khiển phương tiện giao thông sau khi sử dụng rượu, bia, ma túy, không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe máy; người tham gia giao thông đường bộ không chấp hành quy tắc giao thông khi đi qua đường ngang giao với đường sắt; hành lang an toàn giao thông đường sắt chưa được đảm bảo, nhất là tại các thành phố, khu đông dân cư. Tình trạng người vi phạm không chấp hành hiệu lệnh, chống lại lực lượng thi hành công vụ, nhất là lực lượng Cảnh sát giao thông diễn ra nghiêm trọng. Trật tự, an toàn giao thông tại một số trạm thu phí BOT diễn biến phức tạp.

II. Lĩnh vực xây dựng.

1. Rà soát, hoàn thiện quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, quản lý đô thị, kinh doanh bất động sản bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn.

a) Hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014:

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan của Chính phủ hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình xin ý kiến Quốc hội lần đầu vào Kỳ họp thứ 8.

b) *Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Nhà ở; nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở về chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có khó khăn về nhà ở:*

Đến nay, Bộ Xây dựng đã hoàn thành Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhà ở năm 2014 về chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; dự kiến nội dung sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động chính sách. Hiện nay, Ban Tổ chức Trung ương đang chủ trì xây dựng *Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị*; vì vậy việc sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở sẽ được thực hiện sau khi Bộ Chính trị thông qua *Đề án về chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị*.

c) *Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản; nghiên cứu, rà soát và đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung:*

Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 – 2020 của Quốc hội đã ban hành chưa có nội dung đánh giá, sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Xây dựng đang tiến hành tổng kết, đánh giá thi hành Luật để đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội vào thời điểm thích hợp.

d) *Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Luật Quản lý phát triển đô thị:*

Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 23 (tháng 4/2018) và chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan của Chính phủ để hoàn thiện hồ sơ dự Luật theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự kiến trình Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật sau năm 2020.

2. Đến năm 2021, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng cốt lõi, hệ thống định mức và đơn giá xây dựng. Trong năm 2019, ban hành 03 quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, nhà chung cư, an toàn cháy cho nhà và công trình.

a) *Đề án hoàn thiện hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng:*

- Đối với hệ thống Quy chuẩn: Bộ Xây dựng sẽ nghiên cứu, tích hợp các quy chuẩn theo hướng tinh gọn, đồng bộ, dễ thực hiện và dự kiến ban hành trong khoảng từ năm 2019 đến năm 2022. Riêng năm 2019 sẽ ban hành 04 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Đối với hệ thống Tiêu chuẩn: Hệ thống tiêu chuẩn lĩnh vực xây dựng được xây dựng theo định hướng mới với danh mục dự kiến khoảng 150 TCVN cốt lõi, bao gồm biên soạn mới và soát xét các tiêu chuẩn đã có. Theo kế hoạch, tùy thuộc mức độ quan trọng, sự cần thiết, hệ thống 150 tiêu chuẩn cốt lõi này sẽ được tổ chức soát xét, biên soạn theo thứ tự ưu tiên, ban hành lần lượt từ năm 2021 đến năm 2025.

b) *Việc ban hành 03 quy chuẩn: (1) QCVN về Quy hoạch xây dựng; (2) QCVN về Nhà chung cư trong đó có nhà chung cư hỗn hợp kết hợp các chức*

năng thương mại, dịch vụ, văn phòng trong đó có căn hộ du lịch (condotel), căn hộ văn phòng (oficetel); (3) QCVN về An toàn cháy cho nhà và công trình về quy hoạch xây dựng, nhà chung cư, an toàn cháy nổ cho nhà và công trình:

Hiện nay, Bộ Xây dựng đã hoàn hành Hồ sơ ban hành 03 Quy chuẩn theo quy định của Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn và sẽ ban hành các Quy chuẩn này trong Quý IV/2019 theo đúng Nghị quyết số 83/2019/QH14 của Quốc hội.

c) Thực hiện Đề án về hệ thống định mức đơn giá xây dựng; Hoàn thiện công tác rà soát hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị; Xây dựng hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị mới; Xây dựng và ban hành các Thông tư hướng dẫn sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP:

- *Rà soát định mức xây dựng*: Bộ Xây dựng đã hoàn thành công tác rà soát 14.738/14.738 định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, đã loại bỏ 1.005 định mức quá lạc hậu, sửa đổi 3.289 định mức, bổ sung 1.786 định mức. Bộ Xây dựng đang thẩm định kết quả rà soát định mức, dự kiến các tập định mức sẽ được ban hành áp dụng trên toàn quốc trong Quý IV/2019.

- *Nghiên cứu ban hành các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng mới phù hợp với kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế*: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (thay thế Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015) theo hướng phù hợp với kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Bộ Xây dựng đang dự thảo 11 Thông tư hướng dẫn các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng theo nội dung định hướng tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và sẽ ban hành trong tháng 12/2019.

- *Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị*: Bộ Xây dựng đã phê duyệt Dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức và giá xây dựng phục vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị” và thực hiện trong Quý IV/2019.

- *Xây dựng hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị thay thế định mức dự toán hiện hành*: Việc triển khai xây mới hệ thống định mức, giá xây dựng và dịch vụ đô thị sẽ được thực hiện sau khi các Thông tư hướng dẫn về các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng được ban hành.

3. Nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn kết giữa các cấp độ quy hoạch đô thị, giữa quy hoạch đô thị với các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng.

a) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quy hoạch:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; trong đó quy định chặt chẽ trong việc kiểm soát các khâu của quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, thắt chặt hơn các điều kiện điều chỉnh quy hoạch và trình tự thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch.

b) Đổi mới lý luận, phương pháp về quy hoạch và phát triển đô thị:

Bộ Xây dựng đã triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm “*Đổi mới phương pháp lý luận về quy hoạch và phát triển đô thị*”, dự kiến hoàn thành và tổ chức nghiệm thu trong tháng 12/2019. Trên cơ sở đề tài này và một số nghiên cứu liên quan, Bộ Xây dựng sẽ hoàn thiện Đề án “*Đổi mới lý luận, phương pháp luận về quy hoạch và phát triển đô thị*” để trình Chính phủ trong năm 2020.

4. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch chi tiết tại các địa phương. Rà soát quy hoạch xây dựng các công trình tâm linh kết hợp với du lịch sinh thái.

Chính phủ sẽ giao Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương khẩn trương thực hiện quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, đô thị bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất theo quy định của Luật Quy hoạch.

5. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch, gắn với giảm áp lực dân số nội đô, phù hợp với hệ thống hạ tầng, công trình văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, cảnh quan đô thị, bảo đảm công khai, minh bạch, đồng bộ và được sự đồng thuận của người dân.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; đảm bảo các quy định mới chặt chẽ hơn về việc điều chỉnh quy hoạch được cụ thể hóa và nhanh chóng đi vào cuộc sống.

- Bộ Xây dựng đang chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ sửa đổi QCXDVN:01/2008-BXD về quy hoạch đô thị và QCXDVN:14/2009-BXD về quy hoạch nông thôn, dự kiến ban hành trong Quý IV năm 2019.

- Bộ Xây dựng đã và đang thực hiện các giải pháp cụ thể khác như: thành lập các đoàn kiểm tra việc thực hiện pháp luật về quy hoạch, nhà ở và bất động sản để chấn chỉnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện (trong 9 tháng đầu năm 2019, Bộ đã tổ chức 17 đoàn kiểm tra gồm 12 đoàn kiểm tra về quy hoạch, 05 đoàn kiểm tra về quản lý nhà và thị trường bất động sản. Qua kiểm tra đều phát hiện các tồn tại, bất cập và có văn bản tổng hợp, thông báo về các địa phương để chỉ đạo xử lý, khắc phục); nâng cao chất lượng lập, thẩm định các quy hoạch.

6. Kiểm soát và xử lý nghiêm tình trạng chậm hoặc không triển khai quy hoạch, sai phạm trong điều chỉnh quy hoạch cục bộ và quy hoạch chi tiết.

Chính phủ sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện rà soát, phân loại, đánh giá các quy hoạch bị điều chỉnh sai quy định, giải pháp khắc phục; thực hiện phê duyệt các dự án, cấp phép xây dựng công trình cao tầng trong nội đô theo thẩm quyền, theo quy hoạch và kế hoạch xây dựng nhà cao tầng trong tổng thể khu vực nội đô được phê duyệt, bảo đảm đầu tư đầy đủ, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho dự án và khu vực xung quanh; giao Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với các địa

phương, tăng cường hoạt động thanh tra việc quy hoạch, thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành xây dựng và hoạt động xây dựng trong các khu đô thị mới, chung cư cao tầng theo chức năng được giao.

7. Hoàn thành việc lập cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch trong năm 2019.

Bộ Xây dựng đã hoàn thành việc xây dựng *Cổng thông tin quy hoạch xây dựng quốc gia* tại địa chỉ website: quyhoach.xaydung.gov.vn. Theo yêu cầu của các địa phương, Bộ Xây dựng đã cấp 42 tài khoản truy cập hệ thống cho các Ban Quản lý, các Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại 21 địa phương để cập nhật, đăng tải thông tin hồ sơ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng lên cổng thông tin điện tử; các địa phương đã hoàn thành đăng tải công khai 146 đồ án quy hoạch và nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

8. Thực hiện cơ cấu lại thị trường bất động sản gắn với thực hiện Chiến lược nhà ở quốc gia. Phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng đầu cơ, “thổi giá”, “làm giá” để lừa đảo, trục lợi”. Rà soát, xử lý các khu dân cư tự phát, các dự án không có người ở.

Chính phủ sẽ chỉ đạo thực hiện kiểm soát chặt chẽ thị trường bất động sản, trong đó:

- Bộ Xây dựng tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cơ cấu hàng hóa bất động sản, huy động nguồn lực đa dạng hơn, thông tin thị trường bất động sản công khai, minh bạch hơn để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương khắc phục những yếu kém, tồn tại để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh trong thời gian tới.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quán triệt và tổ chức triển khai kịp thời các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản; nắm bắt tình hình diễn biến thị trường để kịp thời thực hiện các giải pháp bình ổn; lập và điều chỉnh bổ sung Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương... theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019.

9. Có chính sách đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở thương mại cho người có thu nhập thấp.

Quốc hội đã phê duyệt vốn ngân sách bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội 1.262 tỷ đồng giai đoạn 2018-2020 (đáp ứng được 13% so với yêu cầu) để cho vay hỗ trợ nhà ở với lãi suất ưu đãi. Tuy nhiên, trong năm 2018, Ngân hàng Chính sách xã hội mới chỉ được giao 500 tỷ đồng. Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 cho phát triển nhà ở xã hội trong dự kiến phân bổ nguồn vốn dự phòng trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng nhà ở xã hội; sửa đổi, bổ sung, điều

chính cơ chế chính sách thúc đẩy việc phát triển nhà ở xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng chi trả của từng đối tượng theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/01/2017 ngày 25/01/2017 về đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội.

10. Sửa đổi quy định liên quan đến quản lý, vận hành nhà chung cư, trong đó chú trọng đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý, quy trình vận hành và quy bảo trì nhà chung cư.

Bộ Xây dựng đã hoàn thành dự thảo Thông tư ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư để thay thế cho Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 về Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư và Điều 3 của Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BXD. Hiện tại, dự thảo Thông tư đã được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi để hoàn thiện và ban hành theo quy định (*dự kiến ban hành trong tháng 10/2019*).

11. Có cơ chế, chính sách đẩy nhanh việc cải tạo các chung cư, tập thể cũ xuống cấp, bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

Bộ Xây dựng đang tiếp tục rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chủ trương về cải tạo nhà chung cư cũ, nguy hiểm để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật liên quan đến việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

12. Xây dựng cơ sở dữ liệu về bất động sản.

Bộ Xây dựng đã tích cực đôn đốc, hướng dẫn các địa phương sớm hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; đã hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm dùng chung kết nối đến các địa phương phục vụ quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ website www.bds.xaydung.gov.vn và phục vụ công bố thông tin tại địa chỉ website www.batdongsan.xaydung.gov.vn.

Trong thời gian tới Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện các quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, đồng thời nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi theo hướng đơn giản hóa: hệ thống biểu mẫu; thông tin, số liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; chế độ báo cáo nhằm nâng cao tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

13. Nghiên cứu, ban hành quy chế quản lý, vận hành đối với loại hình căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn.

Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng nghiên cứu Quy chế quản lý vận hành loại hình căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn – officetel để ban hành trong Quý IV/2019.

14. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng công trình.

Trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng năm 2014, Chính phủ đã chỉ đạo tập trung sửa đổi một số điều khoản để đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang tiếp tục phối hợp với Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan của Chính phủ để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo chỉ đạo của UBTV Quốc hội để trình xin ý kiến Quốc hội lần đầu vào Kỳ họp thứ 8.

15. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý trật tự đô thị, hoạt động xây dựng, quản lý thị trường bất động sản, quản lý vận hành nhà chung cư.

Bộ Xây dựng đã chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ Thanh tra Bộ Xây dựng trong sạch, vững mạnh; tăng cường hướng dẫn các địa phương, Thanh tra Sở Xây dựng về công tác thanh tra xây dựng.

16. Tổng kết, hoàn thiện mô hình thanh tra xây dựng đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

Bộ Xây dựng sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ và các địa phương để đánh giá tổng kết mô hình thanh tra xây dựng hiện nay, tổng kết mô hình thí điểm của Hà Nội và đề xuất mô hình thanh tra xây dựng đô thị cũng như sửa đổi các văn bản quy định pháp luật liên quan.

III. Lĩnh vực giao thông vận tải.

1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải:

Trong năm 2019, theo kế hoạch Bộ GTVT sẽ xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 09 văn bản và ban hành theo thẩm quyền 47 Thông tư. Đến nay, Bộ GTVT đã trình Chính phủ 04 văn bản; đã ban hành 07 Thông tư.

2. Sửa đổi quy định về điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa taxi truyền thống, taxi công nghệ và xe vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử:

Nội dung này đã được nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và sẽ được Chính phủ xem xét ban hành trong thời gian tới.

3. Nghiên cứu hoàn thiện quy định về xử phạt đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về giao thông qua trích xuất hình ảnh từ thiết bị ghi hình:

Nội dung này đã được nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt theo hướng “*Người có thẩm quyền xử phạt được sử dụng các thông tin, hình ảnh thu được từ thiết bị ghi âm, ghi hình của cá nhân, tổ chức cung cấp để làm căn cứ xác minh, phát hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này*”.

4. Điều chỉnh và thực hiện các quy hoạch ngành giao thông vận tải theo Luật Quy hoạch.

- Về điều chỉnh quy hoạch: Hiện nay, Bộ GTVT đang triển khai thực hiện điều chỉnh các quy hoạch hiện có theo Nghị quyết số 751/2019/NQ-QH ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

- Về thực hiện các quy hoạch ngành giao thông vận tải theo Luật Quy hoạch: Bộ GTVT đang tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không và đường thủy nội địa, dự kiến hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ cuối năm 2020.

5. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển hạ tầng giao thông.

Trong giai đoạn vừa qua, Bộ GTVT đã phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để đẩy mạnh huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực giao thông vận tải. Cụ thể:

Lĩnh vực hàng hải: Bộ GTVT phê duyệt Đề án huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng lĩnh vực hàng hải tại Quyết định số 4938/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2014. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 27/11/2013 về việc thí điểm thực hiện cơ chế nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải do Bộ GTVT quản lý. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Lĩnh vực đường thủy nội địa: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa; Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Lĩnh vực đường sắt: Bộ GTVT đã có Quyết định số 4907/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2014 phê duyệt Đề án “Huy động vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt”; Quyết định số 1512/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2015 phê duyệt Đề án tái cơ cấu vận tải đường sắt đến năm 2020. Quốc hội đã ban hành Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/06/2017 thay thế Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14/6/2005; trong đó, đã có chính sách ưu đãi đầu tư như sau: “*Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị và công nghiệp đường sắt là các ngành, nghề ưu đãi đầu tư*”. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đang xem xét, phê duyệt Đề án quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

Lĩnh vực đường bộ: Chính phủ đã ban hành Nghị định 33/2019/NĐ-CP quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Lĩnh vực hàng không: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không. Thủ tướng Chính phủ đang xem xét phê duyệt đề án giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý.

6. Thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, kiểm tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư các dự án giao thông trọng điểm. Xử lý các vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án giao thông, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; thực hiện tốt công tác đấu thầu, ưu tiên các nhà đầu tư, nhà thầu trong nước đủ điều kiện, năng lực: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục I phần D (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14).*

7. Phương án giải quyết dứt điểm các dự án đang thực hiện dở dang chưa được bố trí vốn.

Bộ GTVT có 25 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa được bố trí đủ trong Kế hoạch trung hạn 2016-2020 để tiếp tục thi công, hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong phương án sử dụng dự phòng chung kế hoạch trung hạn đã dự kiến bố trí 3.428 tỷ đồng cho 05/25 dự án; còn lại 20 dự án đang thực hiện dở dang đã bố trí hết kế hoạch trung hạn từ năm 2017 hiện chưa bố trí được vốn bổ sung để tiếp tục thực hiện.

8. Về kiểm toán, quyết toán dứt điểm các công trình sau khi hoàn thành.

- Về công tác quyết toán:

Bộ GTVT đã ban hành quy định phân cấp, ủy quyền thẩm tra phê duyệt quyết toán cho Tổng cục và các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành; ban hành quy trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán thuộc thẩm quyền của Bộ và Chỉ thị chấn chỉnh, tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành. Hàng năm, căn cứ vào các dự án hoàn thành năm trước và kế hoạch hoàn thành dự án trong năm, ngay từ đầu năm Bộ đã ban hành các quyết định giao kế hoạch lập, trình duyệt dự án hoàn thành cho các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án; ban hành các quyết định giao kế hoạch thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho các đơn vị thẩm tra, phê duyệt để các đơn vị căn cứ thực hiện. Kết quả thực hiện công tác quyết toán là một trong những cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án. Bộ thường xuyên họp kiểm điểm công tác quyết toán với từng Ban quản lý dự án để chỉ đạo, chấn chỉnh, đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành. Song song với quyết toán phần công trình hoàn thành, Bộ GTVT thường xuyên đôn đốc các địa phương phê duyệt quyết toán Tiểu dự án giải phóng mặt bằng theo thẩm quyền. Với nhiều giải pháp chỉ đạo đồng bộ nêu trên, công tác quyết toán dự án hoàn thành đã được trú trọng, đi vào nề nếp.

- Về công tác kiểm toán:

Hàng năm, Bộ GTVT đã kịp thời phối hợp với Kiểm toán Nhà nước trong việc rà soát danh mục các dự án chưa thực hiện việc kiểm toán để lập kế hoạch kiểm toán trong năm tiếp theo. Căn cứ kế hoạch kiểm toán hàng năm, Bộ GTVT đã chủ động làm việc với Kiểm toán Nhà nước từ khi triển khai đến khi có kết

luận đối với từng cuộc kiểm toán. Khi Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định kiểm toán đối với các dự án cụ thể, Bộ GTVT đã chỉ đạo các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và thực hiện công tác kiểm toán các dự án đảm bảo đúng quy định. Sau khi có kết luận của Kiểm toán nhà nước, Bộ GTVT đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai và đôn đốc các đơn vị thực hiện kết luận và báo cáo tình hình thực hiện theo đúng quy định.

Trong 05 năm (từ năm 2014 đến hết tháng 06/2019), Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện 230 cuộc kiểm toán tại Bộ GTVT với tổng số 215 dự án, trong đó bao gồm 133 cuộc kiểm toán 131 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, 30 cuộc kiểm toán 24 dự án sử dụng vốn nước ngoài và 67 cuộc kiểm toán 60 dự án BOT, BT. Qua công tác kiểm toán đã góp phần quản lý tốt chi phí đầu tư, chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

9. Đẩy mạnh cơ cấu lại lĩnh vực vận tải, tăng cường kết nối các phương thức vận tải.

Bộ GTVT tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách; nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kết nối, phát triển hợp lý các phương thức vận tải, vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics; khai thác có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình có tính trọng yếu để tạo sự đột phá trong phát triển vận tải và thực hiện tái cơ cấu vận tải; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, khai thác vận tải; nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh.

Sau một thời gian tích cực triển khai thực hiện đến nay đã cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách quản lý nhà nước về dịch vụ vận tải; cơ cấu thị phần vận tải có bước chuyển dịch theo hướng tích cực; từng bước phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại; dịch vụ vận tải, logistics, số lượng, chủng loại phương tiện vận tải, chất lượng đào tạo, trình độ nguồn nhân lực từng bước được nâng cao, tiệm cận với khu vực và thế giới.

10. Nâng cấp, hiện đại hóa công tác đăng kiểm và áp dụng công nghệ mới trong kiểm định phương tiện.

Hiện nay, công tác kiểm định xe cơ giới được giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống camera IP được lắp đặt tại tất cả các Trung tâm đăng kiểm được kết nối với đường truyền internet tốc độ cao và toàn bộ hình ảnh quá trình kiểm định được giám sát từ Cục Đăng kiểm Việt Nam đồng thời lưu trữ tối thiểu 30 ngày. Các trang thiết bị kiểm tra đồng bộ, hiện đại được áp dụng để không thể can thiệp vào quá trình hoạt động cũng như bảo mật cao nhất theo khuyến nghị của tổ chức Đăng kiểm ô tô quốc tế.

11. Nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe:

Thời gian qua, Bộ GTVT tập trung tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác đào tạo sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại các cơ sở

đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe, công tác quản lý đào tạo, sát hạch tại các Sở GTVT; đã chỉ đạo các trung tâm sát hạch lái xe lắp camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết và công khai hình ảnh ra màn hình để người dân giám sát, chụp ảnh ngẫu nhiên thí sinh trong quá trình sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường tránh tình trạng thi thay, quá trình sát hạch lý thuyết được thực hiện trực nghiệm trên máy tính, sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường được thực hiện bằng thiết bị chấm điểm tự động, mỗi thí sinh sau khi sát hạch xong máy tính tự in ra kết quả sát hạch để thí sinh ký xác nhận kết quả; kết quả sát hạch ở các nội dung sát hạch được công khai trên màn hình để người dân giám sát.

Để giám sát chặt chẽ và tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; trong thời gian tới sẽ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

12. Kiểm soát chặt chẽ xe hết niên hạn sử dụng.

Bộ GTVT đã và sẽ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và chỉ đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện một số giải pháp như sau:

- Yêu cầu các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của địa phương để tổ chức kiểm tra, xử lý việc các phương tiện đã hết niên hạn sử dụng, hết hạn kiểm định mà vẫn tham gia giao thông và kiên quyết xử lý nghiêm, xem xét trách nhiệm của cơ quan đăng kiểm nếu trường hợp xe không đảm bảo an toàn mà vẫn được kiểm định; Yêu cầu thường xuyên gửi thông báo danh sách chi tiết các phương tiện hết niên hạn sử dụng cho Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ Công an, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào tháng 08 hàng năm và tháng 01 của năm kế tiếp để phối hợp xử lý vi phạm;

- Cập nhật, danh sách tra cứu phương tiện trên cổng thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam để các cơ quan có thể tải, tra cứu thông tin liên quan tới các phương tiện hết hạn và quá hạn kiểm định 24/24h (www.vr.org.vn/ptpublicweb/HetNienHan.aspx; www.vr.org.vn/ptpublicweb/quahankd.aspx);

- Phối hợp với các tổ công tác liên ngành tại địa phương bao gồm lực lượng Cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông và lực lượng đăng kiểm để kiểm tra, xử lý ô tô vi phạm, đặc biệt là các loại xe tải, xe đầu kéo, sơ mi rơ móc, xe khách vi phạm các quy định về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường như sắp hết niên hạn sử dụng, hết niên hạn sử dụng và quá hạn kiểm định để ngăn ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

13. Về Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành giao thông vận tải, tập trung đối với lĩnh vực đường bộ.

Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì xây dựng Đề án, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2019.

14. Về tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh-chuyên giao (BOT): *Nội dung này đã được báo cáo tại mục I phần Đ (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14).*

15. Về nội dung rà soát, xử lý các vướng mắc tại một số trạm thu phí BOT giao thông đường bộ, trong đó tập trung xử lý nghiêm các vi phạm trong việc thu phí.

Từ năm 2015, Bộ GTVT đã có các báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát tổng thể các trạm BOT, đánh giá tình hình thực hiện, các bất cập, vướng mắc nảy sinh và đề xuất hướng giải quyết. Đến nay, với chỉ đạo của quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc của hệ thống chính trị các địa phương, hỗ trợ tích cực của Bộ Công an, cơ bản các trạm thu phí đã đi vào ổn định, kể cả các trạm thu phí hoàn vốn cho dự án đầu tư cả tuyến chính và tuyến tránh. Riêng một số Trạm có tính chất đặc thù còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và Lãnh đạo Chính phủ đã tổ chức họp, chỉ đạo xử lý; tình hình cụ thể như sau:

Trạm Bắc Thăng Long thuộc Dự án tuyến tránh thị xã Vĩnh Yên, Quốc lộ 2: Doanh nghiệp dự án và Tổng cục Đường bộ Việt Nam đang triển khai kiểm tra, đánh giá toàn diện công tác thu phí của trạm theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

Trạm thu phí Bim Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa: Bộ GTVT đang phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đàm phán với nhà đầu tư để lựa chọn vị trí phù hợp để triển khai.

Trạm trên tuyến Quốc lộ 3 thuộc Dự án xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 3 đoạn Km75 - Km100: Bộ GTVT đã làm việc với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phương án miễn giảm phí tại trạm Quốc lộ 3 để thống nhất phương án giảm giá dịch vụ sử dụng đường bộ cho các phương tiện lưu thông qua trạm Quốc lộ 3; đang phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan liên quan, để tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến người dân, các cơ quan đoàn thể và các địa phương (cấp huyện, xã, thôn, xóm) để nhận được sự đồng thuận của người dân trước khi tổ chức thu phí tại trạm Quốc lộ 3.

Trạm Tân Đệ thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu La Uyên đến cầu Tân Đệ: Hiện nay, Doanh nghiệp dự án đang triển khai xây dựng trạm thu phí trên tuyến tránh, phần đấu hoàn thành và tổ chức thu phí trong tháng 9/2019.

Trạm Cai Lậy thuộc Dự án đầu tư tăng cường mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Km1987+560 ÷ Km2014 và xây dựng Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bộ GTVT đã nghiên cứu kỹ lưỡng 03 phương án, phân tích đánh giá ưu, nhược điểm của các phương án để xin ý kiến thống nhất của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; phần đấu sớm thu phí trở lại theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

Trạm trên tuyến xây dựng mới hoàn toàn thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hòa Lạc - Hòa Bình và cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Xuân Mai - Hòa Bình: Bộ GTVT đã làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình thống nhất trong thời gian xây dựng phương án giảm giá chính thức tạm miễn thu phí cho các phương tiện khu vực lân cận trạm thu phí. Tình hình trạm thu phí hiện nay ổn định.

Trạm thu phí T2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91: Bộ GTVT đã họp với các địa phương, Nhà đầu tư và các cơ quan liên quan và đã chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Nhà đầu tư phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương để xây dựng và đề xuất các phương án, tính toán tác động của các phương án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ các bên, quyền lợi của người sử dụng, nhà đầu tư, ngân hàng cho vay vốn và phù hợp các điều kiện về nguồn lực. Trên cơ sở đó, Bộ GTVT sẽ chọn phương án tối ưu nhất, thống nhất với địa phương và các bên liên quan để thực hiện việc thu phí theo quy định.

16. Thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; rà soát, khắc phục các “điểm đen” trên các tuyến quốc lộ: *Nội dung này đã được báo cáo tại mục I phần D (Kết quả thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14).*

17. Về thực hiện kết nối dữ liệu giám sát hành trình của tất cả phương tiện kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa với cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã cung cấp 130 tài khoản cho các Sở Giao thông vận tải và Thanh tra giao thông 63 tỉnh, thành phố để cập nhật, khai thác dữ liệu từ hệ thống phục vụ công tác quản lý hoạt động vận tải tại địa phương và tra cứu các phương tiện trong toàn quốc đang hoạt động trên địa bàn địa phương; cung cấp 541 tài khoản cho các bến xe khách trong toàn quốc để thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các phương tiện vận tải khách theo tuyến cố định.

Ngày 01/7/2019, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Cục Cảnh sát giao thông ký biên bản bàn giao tài khoản, mật khẩu và tài liệu hướng dẫn truy cập vào hệ thống giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Đến nay, đã thực hiện chia sẻ dữ liệu với Cục Cảnh sát giao thông để phục vụ trong công tác tuần tra, kiểm soát xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, đồng thời tiếp tục nghiên cứu sửa đổi các quy định hiện hành để tiến tới có thể sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình phục vụ cho công tác xử lý vi phạm hành trình trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với các trường hợp vi phạm.

18. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử nghiêm các doanh nghiệp vận tải sử dụng nhiều lái xe, lái tàu có hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với vận tải đường bộ: Tính từ năm 2016 đến năm 2018, các Sở Giao thông vận tải đã xử lý vi phạm đối với 48.556 phương tiện, thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải 42 đơn vị; chấn chỉnh, nhắc nhở 30.167 phương tiện vi phạm.

Đối với vận tải đường sắt: Trong tháng 6/2019, Cục Đường sắt Việt Nam đã tiến hành 01 cuộc thanh tra đối với 15 Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, là doanh nghiệp quản lý sửa chữa và khai thác đầu máy, thiết bị đầu tàu khu đoạn từ Sài Gòn - Điều Trì - Đà Nẵng và

ngược lại. Cục Đường sắt Việt Nam đã thành lập các Đoàn kiểm tra đột xuất tại các đơn vị của doanh nghiệp đường sắt thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

IV. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; chú trọng công tác hướng dẫn thi hành pháp luật, phối hợp giải quyết những nội dung có tính chất liên ngành, liên vùng.

Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp về văn hóa, thể thao và du lịch gồm 07 Luật, 01 Pháp lệnh, 50 Nghị định, 30 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và khoảng 250 Thông tư, Thông tư liên tịch. Nhìn chung, hệ thống pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch thời gian qua đã được quan tâm xây dựng, bổ sung với nhiều nội dung liên quan đến chính sách phát triển về ngành, lĩnh vực; các quy định để thể chế hóa chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; các quy định về phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích thể thao, tạo cơ sở để phát triển thể thao chuyên nghiệp; các quy định về tăng cường và đẩy mạnh lĩnh vực du lịch với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn. Bên cạnh đó hệ thống pháp luật về văn hóa, thể thao, du lịch còn có vai trò quan trọng là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thúc đẩy các quan hệ dân sự trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch phát triển lành mạnh.

2. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích cấp quốc gia, tác phẩm nghệ thuật có giá trị, các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn, trong thời gian tới, Chính phủ sẽ nghiên cứu, trình Quốc hội cho phép sửa đổi Luật di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan, những quy định mang tính chuyên ngành thuộc lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; phân cấp cụ thể hơn nữa việc quản lý di tích, cơ chế phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động hướng dẫn khách tham quan tại di tích; khuyến khích xã hội hóa hoạt động trông nom, bảo vệ di tích; cơ chế hợp tác công tư trong khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa; điều chỉnh chính sách đãi ngộ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú nhằm tạo điều kiện nhiều hơn nữa để nghệ nhân trao truyền kỹ năng, bí quyết; bổ sung tiêu chí và quy định quản lý đối với di sản tư liệu...; nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi chính sách, tạo cơ chế thông thoáng hơn để khuyến khích sáng tác, công bố, phổ biến các tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

3. Đẩy mạnh đầu tư, có chính sách thu hút xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, khuyến khích nhà văn, nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tạo, hỗ trợ hoạt động biểu diễn nghệ thuật ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa được Bộ VH-TT-DL cùng các địa phương quan tâm, thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các

hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP. Nhận thức về xã hội hoá của các ngành, các cấp và cộng đồng được nâng lên một bước, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của công tác xã hội hoá trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn lực xã hội bước đầu được khai thác, phát huy có hiệu quả, nguồn lực xã hội hoá đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, các địa phương đang căn cứ quy định tại các Nghị định này để triển khai thực hiện thu hút xã hội hoá trong phát triển lĩnh vực văn hóa. Theo đó, đã tích cực mở rộng các đối tượng trong xã hội được tham gia vào hoạt động sáng tác, biểu diễn, điện ảnh; huy động nhiều nguồn lực của xã hội gắn với trách nhiệm của người sáng tác, tác phẩm, biểu diễn nghệ thuật, thể thao và nâng cao hiệu quả hoạt động này; từng bước thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực bảo tàng, thư viện, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, thiết chế văn hóa cơ sở, văn hoá văn nghệ quần chúng, tổ chức lễ hội.

4. Phát huy vai trò chủ động của các địa phương trong công tác quản lý, khai thác và bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, bảo đảm quyền tham gia của người dân.

Ngày 29/5/2019, Bộ VHTTDL đã có Công văn số 2009/BVHTTDL-DSVH đề nghị UBND các tỉnh/thành chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch và UBND các quận, huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về di sản văn hóa, mở cuộc vận động tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân để quán triệt pháp luật về di sản văn hóa đến các tổ chức đoàn thể xã hội, các hội và mọi người dân; quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc bảo vệ di tích; thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý di tích, quản lý dự án tu bổ di tích cho cán bộ cấp huyện, xã và người trực tiếp trông coi di tích; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra; chủ động kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích; ưu tiên đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống cứu hỏa tự động đủ tiêu chuẩn tại di tích; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng để kịp thời phát hiện, điều chỉnh sai sót có thể xảy ra trong quá trình triển khai các dự án tu bổ di tích.

5. Có chính sách đầu tư thông qua đặt hàng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim, ảnh về truyền thống lịch sử, dân tộc, phim thiếu nhi có tính giáo dục cao cho trẻ em.

Chính sách đầu tư thông qua đặt hàng để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim, ảnh về truyền thống lịch sử, dân tộc, phim thiếu nhi có tính giáo dục cao cho trẻ em được quy định tại Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh. Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ VHTTDL quyết định và chịu trách nhiệm về việc đặt hàng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, khẩn trương rà soát kế hoạch sản xuất phim đến năm 2021.

6. Hoàn thiện quy trình, nâng cao chất lượng kiểm duyệt phim nhựa, phim truyền hình.

Toàn bộ phim điện ảnh chiếu rạp trước khi phát hành và phổ biến đều được Hội đồng Trung ương thẩm định và phân loại phim truyện (do Bộ VH,TT&DL thành lập) để được cấp phép phổ biến. Trước ngày 01/01/2017, các bộ phim được Hội đồng thẩm định và phân loại phim truyện theo 3 mức: Cho phép phổ biến rộng rãi; Hạn chế khán giả dưới 16 tuổi; và Cấm phổ biến nếu vi phạm những điều cấm quy định tại Luật Điện ảnh. Từ ngày 01/01/2017, các bộ phim được phân loại theo 5 mức độ: Cho phép phổ biến rộng rãi (P); Hạn chế trẻ em dưới 13 tuổi (C13); Hạn chế trẻ em dưới 16 tuổi (C16); Hạn chế khán giả dưới 18 tuổi (C18); và cấm phổ biến. Như vậy, sau khi xem xét, thẩm định, tùy theo nội dung, cách thể hiện của từng bộ phim, Hội đồng sẽ phân loại mức độ cho phép phổ biến.

Trường hợp phim có vấn đề nhạy cảm, Bộ VH,TT&DL đã yêu cầu Hội đồng thẩm định và phân loại phim truyện, bên cạnh việc thực hiện đúng các quy định hiện hành, cần cẩn trọng, có cái nhìn bao quát hơn, quan tâm đến tình cảm và lắng nghe ý kiến khán giả để có quyết định phù hợp.

7. Tăng cường công tác quản lý, xử lý nghiêm các sai phạm trong việc tổ chức phát hành, phổ biến phim, các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Bộ VH,TT&DL chỉ đạo cơ quan Thanh tra từ Trung ương đến địa phương phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm theo thẩm quyền trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, cuộc thi người đẹp, người mẫu. Những hành vi có dấu hiệu vi phạm thời gian vừa qua tại một số địa phương cơ bản được kiểm soát và xử lý kịp thời, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đều chủ động giao cơ quan Thanh tra kiểm tra, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực phổ biến phim, Bộ VH,TT&DL luôn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan, xin ý kiến tham vấn các đơn vị chuyên ngành và cơ quan quản lý, nhằm kịp thời xử lý và tư vấn xử lý về mặt chuyên môn đối với các sai phạm phát hành và phổ biến phim. Trong 09 tháng đầu năm 2019, Thanh tra Bộ đã triển khai 02 đoàn thanh tra hoạt động phát hành và phổ biến phim. Kiểm tra, xử lý vụ việc liên quan đến việc phát hành, phổ biến phim “Vợ Ba”; xử phạt vi phạm hành chính tổ chức phát hành phim “Vợ Ba” không đúng quy định pháp luật, số tiền phạt là 50 triệu đồng. Thanh tra Bộ đã triển khai 02 đoàn kiểm tra hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thi người đẹp. Thanh tra các Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu trên địa bàn; xử lý kịp thời các vi phạm. Kết quả kiểm tra cho thấy, một số hiện tượng tiêu cực như tổ chức biểu diễn không có giấy phép, không đúng nội dung giấy phép; quảng cáo sai sự thật; ca sỹ hát nhép; sử dụng trang phục biểu diễn phản cảm... đã được hạn chế.

8. Tổ chức thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

Để tăng cường việc thực hiện nếp sống văn minh tại di tích và lễ hội, Bộ VH,TT&DL đã và đang tiếp tục thực hiện các giải pháp:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và tổ chức lễ hội.
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động lễ hội tại các di tích và cơ sở thờ tự, di sản văn hóa phi vật thể lễ hội.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội và di tích.
- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền trên báo in, báo điện tử và truyền hình về việc khuyến nghị người dân không đốt đồ mã, vàng mã tại di tích, cơ sở thờ tự và lễ hội.
- Ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp tăng cường thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội giai đoạn 2019-2021.
- Đề án Tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội giai đoạn 2019-2021.
- Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội và di tích.

9. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ các di sản văn hóa.

Tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, nguồn thu có thể có 03 loại là: (1) Phí tham quan, thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, UBND tỉnh ban hành và tiền phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước; (2) Tiền thu từ các hoạt động dịch vụ phụ trợ, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và phải nộp thuế theo quy định hiện hành (tiền đi cáp treo, xe điện, chụp ảnh, ăn uống...); (3) Tiền công đức, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật Tôn giáo, tín ngưỡng, Thực tế hiện nay, việc quản lý tiền công đức là vấn đề phức tạp, nhạy cảm (đây không phải chỉ là vấn đề riêng của Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới). Nhằm tăng cường quản lý nhà nước, Bộ VH-TT-DL đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh/thành: Đẩy mạnh kiện toàn bộ máy quản lý di tích để đảm bảo di tích thuộc bất kỳ hình thức sở hữu nào đều có đại diện chính quyền, người am hiểu di tích tham gia quản lý, để di tích được tu bổ, trông nom bằng nguồn được thu từ công đức; phối hợp với giáo hội các cấp tạo sự thống nhất, đoàn kết trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn công đức hiệu quả, đúng mục đích, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu minh bạch theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 04/TTLT/BVHTTDL-BNV.

10. Công khai, minh bạch thông tin về các dự án đầu tư khu du lịch tâm linh theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định của Luật Du lịch (trước đây là Luật Du lịch năm 2005 và hiện nay là Luật Du lịch năm 2017), Bộ VH-TT-DL đã phối hợp với các địa phương (nơi có các khu du lịch quốc gia tiềm năng với các sản phẩm du lịch chủ yếu là du lịch văn hóa kết hợp tín ngưỡng, sinh thái...) để lập, thẩm định và trình phê duyệt các Quy hoạch khu du lịch quốc gia. Sau khi các Quy hoạch này được phê duyệt, các địa phương tổ chức công bố công khai để thu hút đầu tư.

11. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hiểu biết cho người dân, đấu tranh phòng, chống mê tín dị đoan.

Việc bài trừ mê tín dị đoan khó có thể giải quyết trong thời gian ngắn, cần phải thực hiện liên tục, lâu dài, với sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành, địa phương, sự đồng tình, ủng hộ của người dân. Nhằm tăng cường các giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, đấu tranh phòng, ngừa mê tín dị đoan, Bộ VHTTDL đã triển khai:

- Ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa mê tín dị đoan, loại bỏ hủ tục lạc hậu, văn hóa phẩm đồi trụy trái với thuần phong mỹ tục giai đoạn 2020-2022.

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền trên báo in, báo điện tử và trên truyền hình về việc khuyến nghị người dân không đốt đồ mã, vàng mã tại di tích, cơ sở thờ tự và lễ hội.

- Ban hành Kế hoạch triển khai các giải pháp tăng cường thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội giai đoạn 2019-2021.

- Đề án Tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội giai đoạn 2019-2021.

12. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng hành nghề mê tín dị đoan nhằm thu lợi bất chính.

Bộ VHTTDL đã chỉ đạo tổ chức các đoàn kiểm tra hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại các địa phương, xác minh thông tin qua đơn thư, các nguồn thông tin được dư luận xã hội phản ánh và có văn bản chỉ đạo các địa phương xử lý triệt để những vụ việc vi phạm; thành lập các Đoàn kiểm tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội gắn liền với các di tích lịch sử, văn hóa ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại thời điểm trước, trong và sau lễ hội. Trong 09 tháng đầu năm 2019, Thanh tra Bộ đã triển khai 21 đoàn kiểm tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội tại 17 tỉnh/thành; ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo hành nghề mê tín dị đoan tại các điểm di tích, lễ hội. Bên cạnh đó, Bộ thường xuyên có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Sở tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn, tập trung vào thời điểm trước, trong và sau khi tổ chức lễ hội, dịp Tết Nguyên đán, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

13. Rà soát, điều chỉnh chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực động lực phát triển du lịch với mục tiêu đưa du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Thủ tướng Chính phủ đang xem xét, phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định quan điểm tiên quyết là phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại. Dự thảo Chiến lược xác định 07 khu vực động lực phát triển du lịch. Sau khi Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ VHTTDL sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chiến lược, trong đó tập trung huy động nguồn lực phát triển 7 khu vực động lực phát triển du lịch với mục tiêu đưa du lịch thực sự trở

thành ngành kinh tế mũi nhọn như Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra.

14. Quy hoạch đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng nhằm phát huy thế mạnh và tiềm năng phát triển du lịch biển.

Để phát huy thế mạnh và tiềm năng phát triển du lịch biển, Bộ VHTTDL đã và đang tích cực thực hiện các giải pháp:

- Chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch biển, đặc biệt phát triển hệ thống cảng biển du lịch; hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương và cộng đồng, đặc biệt là cán bộ văn hóa xã, già làng, trưởng bản, người uy tín và nhân dân các vùng biển, đảo về phát triển du lịch theo hướng bền vững

- Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch biển phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Phát triển du lịch cộng đồng ven biển, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với biển. Hỗ trợ để người dân ven biển chuyển đổi nghề, cải thiện sinh kế bền vững.

- Phát triển, nâng cao đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và du lịch sinh thái biển.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng, các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại các vùng ven biển, đảo.

- Triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

15. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch Việt Nam, các giải pháp cần tập trung thực hiện như sau:

- Tập trung cải thiện cơ bản điểm yếu về hạ tầng dịch vụ du lịch và sự bền vững về môi trường.

- Tập trung nâng cao nhóm chỉ số mức độ ưu tiên cho ngành du lịch về cơ chế, chính sách; đầu tư ngành du lịch; marketing và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch; thống kê du lịch và chiến lược thương hiệu quốc gia.

- Phát huy thế mạnh nổi trội về tài nguyên văn hóa và tài nguyên tự nhiên, đặc biệt chú trọng đến yêu cầu phát triển bền vững.

- Tiếp tục nâng cao nhóm chỉ số quan trọng về mức độ mở cửa quốc tế và hạ tầng hàng không, đặc biệt là năng lực vận chuyển hàng không quốc tế và nội địa, đồng thời cải thiện chất lượng hạ tầng hàng không.

- Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng nhân lực và thị trường lao động và mức độ sẵn sàng về công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy các hoạt động du lịch và đầu tư.

16. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại thị trường quốc tế.

Trong thời gian qua, mặc dù nguồn kinh phí ngân sách hạn chế, ngành du lịch đã nỗ lực thực hiện đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm. Mô hình hợp tác công tư thông qua cơ chế Hội đồng Tư vấn Du lịch (TAB) đã phát huy hiệu quả rõ rệt với các hoạt động cụ thể như nâng cao quy mô và chất lượng tham dự các hội chợ quốc tế lớn về du lịch như ITB Berlin (Đức), WTM (Anh); phát triển trang web vietnamtourism.vn và các hoạt động tư vấn chính sách du lịch. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá được triển khai dưới nhiều hình thức phong phú, bước đầu đem lại hiệu quả, góp phần tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

Trong thời gian tới, ngành du lịch sẽ tiếp tục nhân rộng các mô hình hợp tác công tư trong việc tổ chức các sự kiện xúc tiến, quảng bá ở nước ngoài theo nguyên tắc cơ quan xúc tiến du lịch quốc gia định hướng, dẫn dắt và tập hợp nguồn lực. Các địa phương doanh nghiệp phối hợp theo định hướng chung.

17. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch với chất lượng cao, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới.

Trong dự thảo Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ngành Du lịch đã xác định tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt dựa trên lợi thế tài nguyên của từng vùng, địa phương, phù hợp với nhu cầu thị trường và có khả năng cạnh tranh cao. Quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi, thể thao mạo hiểm. Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch biển, tập trung nguồn lực đầu tư khu vực vịnh Hạ Long - Bái Tử Long, vịnh Vân Phong - Nha Trang và đảo Phú Quốc trở thành 3 trung tâm nghỉ dưỡng biển cao cấp, có thương hiệu mạnh trên thị trường quốc tế. Chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, khai thác và phát huy thế mạnh ẩm thực để phục vụ khách du lịch. Phát triển sản phẩm du lịch thông minh, du lịch sáng tạo và các loại hình du lịch khác dựa trên nền tảng công nghệ số.

18. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch tại các địa phương.

Trước yêu cầu phát triển, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch tại các địa phương từng bước được tăng cường, củng cố, hình thành các Sở Du lịch tại 13 tỉnh/thành trên cả nước nhằm phát huy tốt hơn vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về du lịch trước thực tiễn phát triển du lịch rất nhanh ở địa phương.

Để tăng cường kiểm soát, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, bảo đảm môi trường du lịch an toàn, văn minh, Bộ đã ban hành Kế hoạch số 1036/KH-BVHTTDL và Kế hoạch số 1037/KH-BVHTTDL ngày 15/3/2017 về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động lữ hành, hướng dẫn viên và quản lý điểm đến; Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch. Hàng năm đã tổ chức 5-6 đợt kiểm tra hoạt động kinh doanh lữ hành trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Kiên Giang, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành Du lịch đã phát động 08 chiến dịch nâng cao chất lượng hoạt động trên các lĩnh vực: lễ hành, hướng dẫn du lịch, ứng xử văn minh du lịch, dịch vụ vận chuyển khách du lịch, dịch vụ ẩm thực, dịch vụ du lịch, dịch vụ mua sắm, ứng xử văn minh của cộng đồng dân cư. Đã tổ chức các đợt kiểm tra công tác cấp thẻ hướng dẫn viên, đào tạo ngắn hạn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và giám sát 05 kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn tại một số cơ sở đào tạo đủ điều kiện tại các địa phương: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, các tỉnh Nam Trung Bộ. Bên cạnh đó, ngành du lịch tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ của các cơ sở lưu trú du lịch từ 4-5 sao.

Trong thời gian tới, Bộ tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp, trao đổi với các địa phương nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, đồng thời đề nghị các địa phương chủ động đề xuất các giải pháp thực hiện công tác quản lý tại địa bàn và trên bình diện cả nước

- Triển khai áp dụng mạnh mẽ bộ tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch ở các địa phương.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển du lịch thông minh.

19. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường du lịch.

Trong thời gian qua, công tác vệ sinh môi trường du lịch tại nhiều trung tâm du lịch, khu điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch còn nhiều hạn chế. Một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt trong triển khai các giải pháp cải thiện môi trường du lịch; cơ chế phối hợp có nơi còn lỏng lẻo, mang tính hình thức; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc chưa thường xuyên; lực lượng trực tiếp tham gia giải quyết sự vụ, hiện tượng chèn ép, lợi dụng, xâm hại quyền và nghĩa vụ của khách du lịch tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và các địa phương còn rất mỏng, trong khi khối lượng công việc lại rất lớn. Giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường du lịch trong thời gian tới:

- Ban hành cơ chế, chính sách về tài chính cho công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... và đầu tư xây dựng nhà vệ sinh dành cho khách du lịch

- Ban hành cơ chế, chính sách về lương, phụ cấp và các chế độ đãi ngộ cho các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... tại các điểm đến du lịch.

20. Kiểm soát, quản lý tốt các điểm đến du lịch, đảm bảo chất lượng dịch vụ, an ninh, an toàn cho du khách.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch. Bộ VHNTDL đã thực hiện những nội dung sau:

- Tích cực triển khai chỉ đạo các địa phương, phối hợp với các ban, ngành liên quan đẩy mạnh công tác đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; tăng cường công tác quản lý giá cả tại những cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong hoạt động du lịch, trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm đến du lịch, khu, điểm du lịch.

- Nghiên cứu và ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch.

- Xây dựng, trình ban hành và triển khai thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trong hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch

21. Chấn chỉnh hoạt động lữ hành, hướng dẫn du lịch.

a) Về hoạt động lữ hành:

Trong thời gian qua, Bộ VHTTDL đã phối hợp với các địa phương thực hiện hoạt động kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của các doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật. Từ đầu năm 2019 đến nay, đã kiểm tra 32 doanh nghiệp lữ hành đón khách qua cửa khẩu Móng Cái. Đã kiểm tra 15 doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn các tỉnh/thành: Hà Nội, Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Bình, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc; thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật của các doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Khánh Hòa, Lào Cai, Quảng Ninh. Ngoài ra, các Sở Du lịch Khánh Hòa, Đà Nẵng, Hà Nội cũng đang tiến hành kiểm tra các cơ sở.

b) Về hoạt động hướng dẫn du lịch:

Hoạt động hướng dẫn du lịch thời gian qua còn một số bất cập: việc quản lý hoạt động hướng dẫn du lịch tại điểm còn lỏng lẻo, các cơ quan quản lý điểm đến du lịch chưa nhận thức được vai trò và trách nhiệm quản lý hoạt động hướng dẫn du lịch tại địa bàn quản lý; xuất hiện tình trạng hướng dẫn viên “chui” (hành nghề hướng dẫn du lịch mà không có thẻ hướng dẫn viên), sử dụng bằng cấp giả để làm thẻ hướng dẫn viên; thiếu cục bộ hướng dẫn viên tại các điểm du lịch hấp dẫn, thu hút đông khách du lịch. Để chấn chỉnh tình trạng trên, trong thời gian tới Bộ VHTTDL sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tổ chức tuyên truyền quy định của Luật Du lịch đối với quản lý hướng dẫn du lịch và điểm đến du lịch. Tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lữ hành và hoạt động của hướng dẫn viên”; Đề án “Bộ quy tắc ứng xử văn minh trong lĩnh vực du lịch”.

- Phối hợp với các địa phương tăng cường năng lực quản lý điểm đến du lịch, đảm bảo an ninh và an toàn tại điểm đến du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các khu du lịch, điểm du lịch có đông khách du lịch quốc tế.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho hướng dẫn viên, cử hướng dẫn viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại các nước trong khu vực và thế giới; tổ chức các Hội thi hướng dẫn viên toàn quốc để nâng cao kiến thức và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

- Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch như: Hiệp hội hướng dẫn viên, Câu lạc bộ hướng dẫn viên hướng dẫn đánh giá, xếp hạng hướng dẫn viên, giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tôn vinh nghề hướng dẫn viên để thu hút những người có chuyên môn và lòng nhiệt tình yêu nghề tham gia hoạt động hướng dẫn du lịch.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm túc, kịp thời các trường hợp hướng dẫn viên giả mạo, hướng dẫn viên sử dụng bằng cấp giả để hành nghề, người nước ngoài hành nghề trái phép tại Việt Nam.

22. Kiểm soát chặt chẽ việc liên doanh, liên kết tổ chức du lịch giá rẻ, không đảm bảo chất lượng du lịch.

Chính phủ đã chỉ đạo các ngành tăng cường công tác quản lý chất lượng dịch vụ, đặc biệt là chất lượng dịch vụ mua sắm phục vụ khách du lịch. Bộ VHTTDL đã chỉ đạo các địa phương có những biện pháp quyết liệt, cụ thể xử lý nghiêm sai phạm tại Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa và một số địa phương. Kết quả: đóng cửa 06 cửa hàng mua sắm; buộc xuất cảnh 20 đối tượng người nước ngoài; xử phạt 12 doanh nghiệp; thu hồi 05 giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế. Các giải pháp sẽ được Bộ tập trung trong thời gian tới:

- Làm việc với Cơ quan du lịch quốc gia, địa phương của thị trường gửi khách để ngăn chặn từ gốc mặt trái của các tour du lịch giá rẻ (đã đạt hiệu quả bước đầu khi làm việc với tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc).

- Tăng cường thanh, kiểm tra các công ty lữ hành, nâng cao đạo đức của HDV, thực hiện nghiêm Nghị định 145-NĐ/CP ngày 21/5/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

- Quản lý liên ngành: quản lý thị trường, thuế và ngân hàng... để chấn chỉnh, kiểm soát giao dịch trái phép của công ty lữ hành, HDV, các cửa hàng mua sắm, cơ sở kinh doanh dịch vụ....

23. Tăng cường quản lý hoạt động tổ chức đưa người Việt Nam đi du lịch nước ngoài

Để tăng cường quản lý khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài cũng như đảm bảo quyền lợi của người Việt Nam khi đi du lịch, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh lữ hành nói chung và hoạt động kinh doanh lữ hành outbound nói riêng được tăng cường, cụ thể: Các quy định pháp luật về kinh doanh lữ hành được cụ thể trong Luật Du lịch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Công tác thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh lữ hành nói chung và lữ hành outbound tăng cường (Bộ đã ban hành 3 Kế hoạch nhằm tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động lữ hành, hướng dẫn du lịch và quản lý điểm đến du lịch). Bộ cũng đã phát động chiến dịch chấn chỉnh và nâng cao chất lượng dịch vụ lữ hành, hướng dẫn du lịch và điểm đến du lịch trên toàn quốc.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý lữ hành vừa qua, một số vụ việc lợi dụng con đường du lịch để trốn ở lại nước ngoài trái quy định pháp luật đã bị phát hiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành Việt Nam với các cơ quan tại nước sở tại. Các giải pháp trong thời gian tới:

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các địa phương trên toàn quốc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và các quy định có liên quan trong lĩnh vực du lịch trong đó có du lịch outbound. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch hoạt động tuân thủ đúng quy định pháp luật về lữ hành; yêu cầu doanh nghiệp có biện pháp quản lý đoàn khách, lọc hồ sơ khách trước khi nhận tour, phối hợp chặt chẽ với cơ quan nước sở tại trong việc quản lý đoàn khách.

- Phối hợp với cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam trong việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức pháp luật của người Việt Nam khi đi du lịch nước ngoài.

- Tăng cường quản lý giá của các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch nói chung và hoạt động du lịch outbound nói riêng.

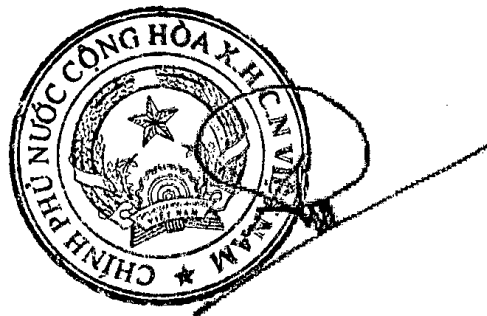
- Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc quản lý người Việt Nam nói chung trong đó có khách du lịch Việt Nam xuất cảnh ra nước ngoài.

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội về việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và hoạt động chất vấn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: HC (5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: CN, ĐMDN, KTTT, KGVX, NC, NN, PL, TCCV, TH, TKBT, V.I, KSTT, Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). *đđ*

**TM.CHÍNH PHỦ
TUQ.THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**



Mai Tiên Dũng